

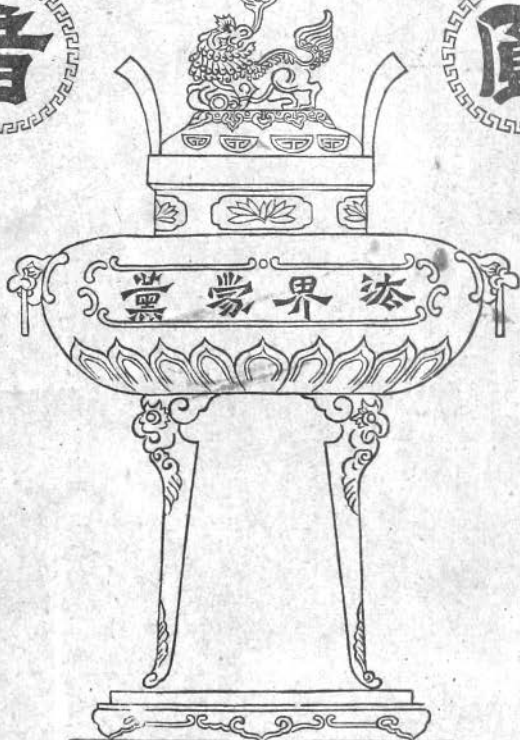
NĂM THỨ I
Số 11

Ngày 1^{er} Octobre
1934

VIEN AM

音

圓



佛學會月刊

Nguyệt - San Phật - Học

Nội dung VIÊN-ÂM chỉ giảng giải đủ các lý thuyết đạo Phật ra chữ quốc-ngữ và có khi phụ thêm một bài pháp-văn.

mỗi năm.....2\$00

1 nửa năm.....1\$10

mỗi quyển . . . 0\$20

TOA SOAN: 5 Rue Champeau — HUÉ

M. LÊ-ĐÌNH-THẨM

Médecin Indochinois du Cadre Latéral — HUÉ
(Boite postale n° 73)

PHỞ CÁO

Xin giữ talon mandat mua nguyệt-san để thế
biên-lại.

Bản San giữ bản quyền. Trích lục phải đề tên
Viên-Âm

Đề nghị quảng cáo tính giá phải chăng, xin gửi thơ
thương lượng trước.



Nam-mô Bồ-như
Thích - Ca Mâu - Ni Phật

Tác-đại Chứng-Minh

PHẬT-HỌC-HỘI CHỨNG-MINH ĐẠO-SƯ

Điều-Đề tự Trụ-tri: GIÁC-TIỀN

Tỷ-Ba tự Trụ-tri: GIÁC-NHIÊN

Duyệt ý :

Phật-Học-Hội Chánh-Hội-Trưởng duyệt-ý

Ký tên : LÊ-ĐÌNH-THAM

MỤC LỤC

I. — QUYỀN ĐẦU NGŨ

Ai bảo đời là khổ!

II. — NHƯ THỊ PHÁP

✓ A) LUẬN ĐÀN : Tam-lượng.

B) DIỄN ĐÀN : Chỗ chơn-thật của Phật-học.

✓ C) CHƯ KINH { 1° Đại-ý kinh Thủ-Lãng-Nghiêm (tiếp
theo)
GIẢNG NGHĨA { 2° Kinh Thủ-Lãng-Nghiêm (tiếp theo)

NHỊT TỤNG:

1°) Phép tu niệm thường ngày theo Tịnh-Độ tôn.

2°) Phép tụng niệm phổ-thông.

III. — BIỆT KHAI PHƯƠNG TIỆN

A) THẾ-GIAN THUYẾT : Đầu là Thiên-đường, Địa-ngục.

B) PHẬT-HỌC DỊ GIẢI : A-Di-Đà-Phật.

C) PHẬT-GIAO VẤN-ĐÁP.

D) THI-LÂM.

E) PHIÊN-NÃO TỨC BỒ-ĐỀ : Bonjour monsieur Phật.

IV. — SỰ TÍCH

SỰ-TÍCH ĐỨC PHẬT THÍCH-CA (tiếp theo)

V. — TIÊU TỨC

I. — QUYỀN ĐẦU NGŨ

Ai bảo đời là khổ!

Người đời chỉ biết lăn-lộn với đời, vẩn vơ với đời, quanh-quẩn theo sự mắt thấy tai nghe mà găng sức làm cho thỏa lòng tham-dục, chớ ít ai để ý đến ngoài vòng tai nghe mắt thấy. Một việc cũng vậy, trăm ngàn việc cũng vậy; việc gì cũng khấp vào trong khuôn chật hẹp, cái khuôn « cầu vui » mà thôi.

Vì vậy nên một đời người, trăm phương ngàn kế, chăm chỉ cầu cho được vui; làm trò hát-bội cũng là cầu vui, rượu chè cờ bạc, nhà cao cửa lớn cũng là cầu vui, cho đến ngắm cảnh xem trăng cũng là cầu vui; trăm, ngàn, vạn việc đều là cầu vui, vui mỗi người mỗi cách tùy theo ý-hưởng.

Cầu vui! Ai ai cũng cầu vui, mà mấy ai được vui! Dầu được vui cũng như bột nước sương mai, vui trong chớp lát rồi khổ lại hoàn khổ!

Đời xưa, có một ông vua mắc bệnh nặng, chạy đã hết thuốc. Lúc bấy giờ có một ông lương-y thăm mạch, bảo phải tìm cho được cái áo lót của một người sung sướng, mua về vua mặc thì lành bệnh. Vua bảo tìm cả nước, từ vương tướng công hầu cho đến các nhà phú-hộ, bình-dân; rồi cuộc chỉ tìm được một người tự nhận mình là sung sướng, nhưng người ấy lại không có áo lót...

Không có áo lót, vị tất đã sung sướng, nhưng không có áo lót mà biết sung sướng thì mới chắc là sung sướng.

Vì sao? Vì cái vui giả dối theo vật-chất chỉ do lòng tham-cầu tạo thành. Trong lúc tham-cầu khổ sở bao nhiêu thì đến lúc thỏa được lòng tham-cầu tự hồ vui sướng bấy nhiêu, nhưng thiệt ra cái vui ấy không thể đền bù được cái khổ trong khi ước mong chờ đợi.

Muốn hiểu cái khổ ở đời, cứ đến hỏi những người mà mình cho là sung sướng thì họ sẽ đáp: «tôi cũng thường thường, chẳng có gì là sung sướng». Mà thật, họ không sung sướng: Những cái họ được rồi thì họ đã nhàm chán, mà những cái họ chưa được thì họ đang mơ ước kia mà. .! Lại còn khi đau, khi mệt, khi gặp nghịch cảnh, khi vắng người thân, biết bao nhiêu là sự khổ!

Vì sao mà có khổ? Hỏi như vậy chắc có lắm người trả lời: «Vì số mạng».

Số mạng! e cũng có phần số mạng. Như đời trước đã gây, quả đời nay phải chịu, thế là số mạng. Nhưng số mạng có thể làm cho nghèo cực, đau ốm, chứ không thể làm cho phải khổ.

Khổ hay vui là tự tâm mình. Tâm biết vui thì cảnh-ngộ nào cũng vui, còn tâm không biết vui thì cảnh-ngộ nào cũng khổ.

Xưa có một ông vua giả người thường đi săn để giải muộn, giữa đường gặp một ông già vóc dặc mạnh mẽ mặt mày hơn hờ, đương bó củi. Vua thấy tướng mạo khôi ngô, kêu hỏi « Ông người ở đâu? » Ông già khoan thai chỉ cái nhà tranh giữa đồng: «Thưa nhà tôi đó»...

Vua trông qua thấy cái chòi hẹp, thương hại, hỏi: « Ông làm một ngàyặng bao nhiêu tiền?

— Thưa, chừng vài tiền đủ mua gạo, muối.

— Ông ăn cực ở khổ, làm sao lại được mạnh mẽ như thế?

— Thưa, tôi mạnh mẽ, vì tôi sung sướng lắm! »

Vua ngạc nhiên: « Sung sướng! ông nói ông sung sướng?

— Thưa, sung sướng thật! tôi làm việc từ mai đến trưa cho thiệt đói rồi mới ăn cơm, nên ăn cơm ngon lắm. Khi nào trời nóng, tôi ra phơi nắng một lát cho đồ mồ hôi rồi trở vào lều tranh thời nghe mát mẻ lạ thường. Tôi ăn sướng ở sướng, thế là tôi sung sướng. »

Như ông già đó mới thiệt là người biết sung sướng. Biết sung sướng thời cảnh-ngộ nào cũng sung sướng, đâu

đuôi, dầu diếc, dầu dổi, dầu lạnh cũng sung sướng. Mà sung sướng thiệt: Cơm hút canh rau, so với những người không gạo là sung sướng; vách xiêu nhà dột, so với những người không nhà là sung sướng. Hễ tin chắc nhưn-quả, không tham cầu, không vọng tưởng, chỉ vui với cái tâm định tĩnh, cái tâm giải-thoát, thời bao giờ cũng vui sướng.

Thế mới biết đời người là vui, nhưng phải biết cách vui mới chắc vui hoài không khổ.

CHÍNH-TÚC

Lễ Sinh-Nhật Đức Thích-Ca

Hội Phật-Học Huế định đến ngày mồng 8 tháng 4 (10 Mai 1935) làm lễ sinh-nhật đức Thích-Ca tại chùa Diệu-Đế.

Lễ này rất long-trọng, chương-trình sẽ thông cáo cho Hội-viên và chư thiện-tín hay.

PHẬT-HỌC-HỘI





II. — NHƯ THỊ PHÁP

A. — LUẬN ĐÀN

Tam lượng 三量

Trong Duy-thức-học, thường nói đến tam-lượng là: hiện-lượng, tỉ-lượng, phi-lượng. Ý nghĩa tam-lượng cần phải rõ rồi mới hiểu được Duy-thức. (Ngoài tam-lượng, lại còn có Thánh-giáo-lượng 聖教量 là bất-khả-tư-nghi, diệu-dụng của chư Phật).

Lượng nghĩa là đo lường, là cân nhắc.

Trong khi tánh Duy-thức biến hiện ra cảnh, liền rõ biết cảnh như vậy, không lòng so đo phân biệt, tức là chơn-hiện-lượng.

Đem trí soi xét, nhưn một cảnh mà rõ biết cảnh khác, nhưn một sự mà rõ biết sự khác, so sánh đúng đắn không sai lầm, tức là chơn-tỉ-lượng.

Còn như vì sự sai lầm, không rõ biết cảnh một cách đúng đắn, thì gọi là phi-lượng.

Chơn-hiện-lượng 真現量. - Chơn-hiện-lượng trong mỗi niệm mỗi niệm đều duyên hiện-cảnh, không nhớ nghĩ cảnh quá-khứ, không ước-đạt cảnh vị-lai, y như hiện-

cảnh mà rõ biết, không năng, không sở, không so đo với thân mình, không phân biệt theo nghiệp mình, như tấm gương lớn soi các hình tượng, ấy là chơn-hiện-lượng.

Chơn-tỉ-lượng 真比量, — Chơn-tỉ-lượng có hai phần:

1°) Chơn-tỉ-lượng trong khi tu quán, nghĩa là nương theo cảnh-giới trong khi tu quán, so sánh mà rõ biết tánh chơn-thiệt của các pháp.

2°) Chơn-tỉ-lượng trong khi phá chấp, là nương theo nghiệp-thức của mỗi loài phá trừ mê-chấp đặng đem về chỗ chơn-thật. Ví dụ như hiện thấy các vật trước mắt, hễ đã có sanh thời có diệt, rồi so sánh mà biết rằng toàn thể vũ-trụ, hễ cái gì có sanh thế nào cũng phải có diệt cả.

Phi-lượng 非量. — Phi lượng chia ra ba phần:

1°) Tợ-hiện-lượng 似現量, tức như sự hay biết hoàn-cảnh của chúng sanh, so đo phân biệt có thân có cảnh, có hữu-hình, có vô-hình, vân vân.

2°) Tợ-tỉ-lượng 似比量 là so sánh theo tợ-hiện-lượng, có tốt có xấu, có thân có sợ, vân vân, hoặc theo nghiệp-thức so đo chấp-nê suy xét nghĩa lý không đúng với sự thật, như hiện thấy mình có sống có chết mà nghĩ rằng có ông Tiên có sống không chết.

3°) Phi-lượng. — Phi lượng đây là cho những sự giả dối là sự thiệt, như tưởng lầm con dê là con trâu, cảnh vật trong bức màn chiếu ảnh là cảnh vật thiệt, vân vân.

Chúng ta hằng ngày ở trong phi-lượng nên bị thân-thế và hoàn-cảnh sai khiến không được tự-tại; vậy chúng ta cần phải đem trí chơn-tỉ-lượng mà soi xét cho hiểu biết tường chơn-thiệt của các pháp, rồi tu tập cho được chơn-hiện-lượng đặng chứng rõ tường chơn-thiệt của các pháp thời mới khỏi những sự lầm lạc và chắc được hoàn toàn giải-thoát.



B. — **DIỄN ĐÀN**

*(Bài giảng hôm mồng một tháng mười
năm Bảo-Đại thứ chín, (7 Novembre 1934)
tại Phật-Học-Hội, chùa Từ-Quang Huế.*

Chỗ chơn thật của Phật-Học

NAM MÔ A-DI ĐÀ PHẬT

Kỳ trước chúng tôi đã giảng « Vì sao phải học Phật », đã chỉ lối tu bổ-thí để trừ lòng tham-ái của chúng sanh và chứng đức từ-bi của Phật. Vậy nên hôm nay chúng tôi xin nói về « Chỗ chơn thật của Phật-học ».

Thưa các ngài, đã nói là học thời học đều gì cũng vậy mục-dịch cốt để phá nững cái u-ám mờ, đến chỗ chơn-thật. Nếu không nhận được chỗ chơn thật thì học bao nhiêu cũng chỉ là cái máy truyền thanh, chớ không khi nào hiểu biết một cách rõ ràng những lý nghĩa của mình đã học.

Người đi đường cần phải biết phương hướng, người đi học cần phải biết chỗ sở do, nếu nhắm mắt làm càn thời khó lòng được kết quả viên-mãn.

Phật-pháp vẫn ra ngoài các tướng thế-gian, nhưng lối học của Phật-pháp cũng không khác gì lối học

của thế-gian, nghĩa là phải nhận thấy chỗ chơn-thật đang về sau đi đến chỗ chơn-thật không còn làm, đường lạc nẻo nữa.

Ý nghĩa hai chữ « Chơn-thật », mỗi người hiểu mỗi cách; nhưng xét ra cho kỹ, nếu không có cái tánh trùm khắp mọi nơi, hằng-thường không thay đổi, thời chơn-thật chỗ này lại không chơn-thật chỗ khác chơn-thật lúc này lại không chơn-thật lúc khác, biết nương vào đâu mà chắc là chơn-thật.

Vậy cái chơn-thật cần phải có tánh trùm khắp mọi nơi, khắp cả muôn sự muôn vật, không vì người vì cảnh mà có sai khác; không sai khác cho đến nổi vật nào cũng chơn-thật, thế giới nào cũng chơn-thật. duy một cái chơn-thật trùm khắp cả mười phương, không mắc hạn-lượng không-gian thì mới thiệt là chơn-thật.

Cái chơn-thật lại phải có tánh hằng-thường ! không thay đổi. Những cái nay thế này, mai thế khác đều không phải là chơn-thật. Chơn-thật thời phải xưa nay như một, dầu biết hay không biết, dầu thời giờ đổi thay cách nào, chơn-thật cũng vẫn là chơn-thật không mắc vào hạn-lượng thời-gian, thời mới thiệt là chơn-thật.

Xét như vậy thời biết, những sự vật có thay có đổi, có thêm có bớt, có còn có mất, có thì có phi, đều chưa phải là chơn-thật. Nếu thật là chơn-thật, thời dầu cho người có cầu có học, chơn-thật cũng không thêm. người không cầu không học chơn-thật cũng không bớt, duy một tánh trùm khắp mọi nơi hằng thường không thay đổi, mới là chơn-thật.

Tánh-cách của cái chơn-thật đã định rồi, chúng tôi xin cùng các ngài nghiên-cứu và phê-bình những sự lý mà người đời thường cho là chơn-thật. Sự lý ấy có thể chia làm bốn bộ phận là:

- 1.) Chơn-thật theo thường-thức của mỗi loài,
- 2.) Chơn-thật theo học-vấn thế-gian,
- 3.) Chơn-thật của các bậc Thánh đã được Trí Giải-thoát,

4.) Chơn-thật của Phật đã chứng được Tri Chánh biến-tri.

1. — *Chơn-thật theo thường-thức của mỗi loài.* — Căn-tính của chúng sanh không đồng nhau, loài nào có thường-thức của loài ấy, rồi lấy chỗ thường-thức, chỗ biết của mỗi loài đó làm chơn-thật. Chơn-thật theo thường-thức có hai nghĩa:

Một là chơn-thật của loài chúng sanh khác, tức như mỗi loài động-vật có chỗ hay chỗ biết của mỗi loài.

Hai là chơn-thật của loài người, tức là những sự-lý mà ai cũng biết, đều công-nhận. Chơn-thật của người lại có hai nghĩa:

a) Chơn-thật theo hiện-giác. — Trong thế-gian không cứ người nào, hễ có tại tổ mắt sáng, thò người thấy cái đó mình cũng thấy cái đó, người nghe cái này mình cũng nghe cái này, không ai dạy ai mà đã định có cái biết như nhau. Đại-loại như như đứa con nít, đứa nào sanh ra cũng biết uống sữa, cái biết uống sữa của nó không ai dạy bảo, mà sanh ra tức thời nó biết uống liền, Cái chi mà loài người đồng thấy đồng nghe, đồng một cái biết như nhau, không cần phải có ai bảo trước, là cái chơn-thật theo hiện-giác của loài người.

b) Chơn-thật của phong tục — Không cứ một lý-tưởng hay một việc gì mà trong một nơi người người đều công-nhận tức là phong tục của nơi ấy. Nước có phong-tục của nước, làng có phong-tục của làng, nhà có phong-tục của nhà, những cái thói quen tiềm-nhiễm đã lâu đời, thành như cái nề nếp không bỏ dặng, ấy là chơn-thật của phong-tục.

Những cái chơn-thật theo thường-thức đại-khái như vậy, nhưng đối với ý nghĩa Phật-giáo thì không khác gì người đương ở trong giấc chiêm-bao trở lại cho cái chiêm-bao giả dối kia là chơn-thật. Thường-thức là do tâm vọng-tưởng của loài người tạo ra; nếu cho thường-thức theo vọng-tưởng là chơn-thật, thì có khác gì cho sự thấy

nghe hay biết trong chiêm-bao là thiệt có. Đến khi tỉnh giấc mới rõ đó là chiêm-bao, là không chơn-thật.

2°. — *Chơn-thật theo học-vấn thế-gian.* — Cái chơn-thật theo học-vấn là nhờ sự tra xét nghiên-cứu chắc chắn mà biết được, so với thường-thức thời đã có phần hơn nhiều. Thường-thức chỉ y theo những sự thấy nghe sẵn có, tập thành thói quen, rồi tự hồ thành ra chơn-thật mà thôi. Đại-loại như người xưa thấy mặt trời xoay xung quanh trái đất, mặt trời nhỏ, trái đất lớn, rồi nghĩ thế là chơn-thật; mà ngày nay nhờ học-vấn nên biết rằng mặt trời lớn hơn trái đất, trái đất xoay xung quanh mặt trời: Học-vấn thường đánh đổ những cái chơn-thật của thường-thức. Học-vấn trong đời vẫn nhiều, nhưng xin kể qua vài món để tiện phê-bình nghiên-cứu:

a) Chơn-thật của khoa-học. — Khoa-học chuyên về mặt thiết-thiết kinh-nghiệm theo những món cảm-giác của loài người và cho những hiệu-quả chắc chắn đã tạo-thành là chơn-thật.

b) Chơn-thật của triết-học. — Triết-học chuyên về mặt tra xét tánh-tình của nhơn-loại và nhận chỗ tra xét xác đáng làm chơn-thật.

c) Chơn-thật của thần-giáo. — Thần-giáo thì cho rằng ra ngoài phạm vi của muôn vật, riêng có một đấng đại-thần; đấng thần ấy chủ cả muôn vật. Đại-thần là chơn-thật, chỗ biết của đại-thần cũng chơn-thật, lời dạy của đại-thần cũng chơn-thật, mà duy sự tín-ngưỡng đối với đại-thần mới là chơn-thật.

d) Chơn-thật của tâm-giáo. — Tâm-giáo thì chuyên về sự tu-dưỡng tâm-tánh, như các phái Du-Dà ở Ấn-Độ cùng lối tu tâm dưỡng tánh của đạo Lão, đạo Nho ở Tàu. Tâm giáo nhận cái chơn-thật ở trong tâm, không nhận cái chơn-thật ở ngoài muôn vật như thần-giáo.

Bốn nghĩa đây tuy cho rằng chơn-thật, nhưng đối với Phật-giáo, thời cũng như người ở trong chiêm-bao mới có chút tỉnh-ngộ vì đã biết thường-thức là giả dối, nhưng cũng còn trong thanh-mộng, chưa khỏi chiêm-bao; tuy hình như tỉnh, nhưng tỉnh là tỉnh trong chiêm-bao, chứ không phải thiệt tỉnh.

3°. — *Chơn-thật của các bậc thánh-nhân đã được Trí Giải-thoát.* — Thánh là đối với phàm mà nói, chúng sanh chưa ra khỏi sanh tử gọi là phàm, các bậc đã ra khỏi sanh tử gọi là thánh. Thánh mà nói rằng có Trí Giải-thoát là vì đã dứt sạch bao nhiêu phiền-não sanh tử, không còn chịu luân-hồi như chúng sanh nữa. Trí giải-thoát ấy do nơi sự dứt trừ phiền-não mà đạt, nên người phàm không làm sao hiểu nổi trí ấy, cho đến các người học hành luyện tập theo phép thế-gian cũng khó bề cùng tốt, vì chưa có trí dứt trừ phiền-não, chưa ra khỏi luân-hồi.

Các bậc thánh được Trí Giải-thoát ấy, tức là Thanh-văn, Duyên-giác và Bồ-Tát. Ba bậc này đối đãi với nhau tuy có bậc cao bậc thấp, nhưng về chỗ tu-chứng chắc chắn ra khỏi luân-hồi thì thế-gian không thể đem cái gì mà so sánh được nữa.

Thanh-văn nghĩa là nhờ nghe Phật nói bốn phép tứ-đế: khổ, tập, diệt, đạo; hiểu biết một cách rõ ràng chắc chắn, dứt trừ những khổ sanh tử, đạt trí giải-thoát, chứng được chỗ chơn-thật của pháp tứ-đế, ấy là chơn-thật của bậc Thanh-văn.

Duyên-giác hay là Độc-giác, nghĩa là ra đời nhằm lúc không có Phật, tự sức mình quán mười hai phép nhơn-duyên, biết rõ nghiệp là gốc luân-hồi và chứng đạt pháp hoàn-diệt chơn-thật. Không nhơn lời nói của Phật dạy mà tự dứt trừ các khổ phiền-não sanh tử, chứng đạt chỗ chơn-thật của trí giải-thoát, ấy là chơn-thật của bậc Duyên-giác.

Bồ-Tát là những bậc tu chứng Phật-đạo, nghĩa là tu chứng cái quả tự giác, giác tha, giác-hạnh viên-mãn. Nhưng Bồ-Tát thì hạnh tự giác đã đủ mà hạnh giác-tha chưa viên, sở dĩ còn gọi là phần-chứng-giác, nghĩa là chưa chứng được quả Phật hoàn toàn.

Chơn-thật của ba bậc đây thì thiết là chơn-thật, nhưng đối với Phật thì cũng như cái mè trong ngô, chưa hẳn là chơn-thật. Bởi vì Thanh-văn, Duyên-giác xét biết nguyên-nhơn luân-hồi của chúng sanh do nơi ngã-chấp ;

có ngã-chấp mới gây ra nghiệp nọ nghiệp kia, chịu những đều tai hại khổ sở. Chỗ sở-nhơn của sự khổ là sự mê-lắm chấp trước, nên muốn khỏi khổ tất phải tu giới, định, huệ... để đối phó với sự mê-lắm chấp-trước. Bệnh mê chấp một phen đã trừ thì không còn có như khổ nữa; như không có thời quả đâu còn, khổ như khổ quả không còn thời hết chịu luân-hồi sanh tử. Nhưng bậc nhị-thừa, chướng phiền-não tuy hết mà chướng sở-tri vẫn còn, cho nên còn có một phần mê. Bồ-Tát tuy chướng sở-tri đã hết, nhưng giác hạnh chưa viên-mãn như Phật, nên chưa gọi là toàn-giác.

4°. — *Chơn-thật của Phật đã chứng được Tri Chánh-biến-tri.* — Phật là bậc giác ngộ, giác ngộ cùng tột tất cả các pháp nên hoàn toàn tự tại giải-thoát. Duy có Phật là chúng được chơn-thật chắc chắn, nghĩa là chơn-thật của thường thức làm sao thời Phật chứng rõ làm vậy, cho đến các pháp thế-gian, các pháp xuất-thế-gian, cùng tâm niệm của chúng sanh đầu sở vụn vẩn đến đâu, Phật đều biết rõ chơn-thật. Có điều biệt của Phật thời phạm phu nhị-thừa không thể tưởng đến được, vì chưa có trí chánh biến tri, cái biết trùm khắp cả muôn sự muôn vật. Phật đặng trí chánh-biến-tri rồi nên được cái biết rộng khắp, cái biết hằng-thường chơn-thật. Người học Phật nên biết cái chơn-thật ấy và gắng sức nhận cái chơn-thật ấy nơi mình và thiết-chứng như cái chơn-thật.

Nhưng muốn chứng đặng cái chơn-thật của Phật thì phải y như Giáo-lý của Phật mà tu hành, đặng chứng cái chơn-thật nơi mình và suy rộng ra lần cho tới chỗ viên mãn. Tới chỗ viên-mãn rồi thời cùng với Phật không khác, cho nên kinh Niệt-Bàn nói rằng: «Tất cả chúng sanh đều có Phật-tánh».

Tri chánh-biến-tri của Phật rất hoàn toàn, chỗ hiểu, chỗ biết rất viên-mãn, không có mấy chi là không biết; tức như tâm niệm mới mọc lên, Phật liền biết một cách viên-mãn; cảnh giới ấy các bậc Bồ-Tát còn chưa biết đặng hướng chi người phạm!

Từ trước đến đây, chỗ chân-thật này mới thiệt là chân-thật, chân-thật làm sao ! mà không thời-gian, không không-gian, trùm khắp cõi thái-hư, hằng thường không thay đổi. Mà cái chân thật ấy chúng ta phải quyết nhận là có, vì đã có Phật chứng cái chân-thật ấy rõ ràng. Đã quyết nhận có rồi thì phải học, phải cầu cho tới chỗ chân thật, cho tới khi chứng được chỗ chân-thật ấy. Vì lẽ cần yếu như vậy mà chúng ta phải học Phật.

Nói tóm lại, chân-thật của thường thức và học-vấn trước kia là chỗ hiểu biết giả dối làm lạc của tâm vọng-tưởng, chứ không phải là chân-thật. Cái chân-thật của các bậc Thanh-Văn, Duyên-Giác, Bồ-Tát và Phật mới là chân thật, vì các bậc ấy ý như cái tánh chân-thật chắc chắn mà tu chứng. Như muốn nói thêm ra nữa, thời Thanh-Văn, Duyên-Giác, Bồ-Tát cũng còn chưa ra ngoài hạng-lượng, nên chưa phải chân-thật ; duy hữu cái chân-thật của Phật mới thiệt là toàn-giác, toàn-chơn, thông suốt không ngăn ngại, vậy nên chỉ có cái chân-thật thứ tư mới thiệt là chân-thật, chân-thật một cách rốt ráo viên-mãn. Chỗ chân-thật ấy là chỗ sở do của sự học chứng ta đó vậy. Chúng ta học Phật không phải yêu cầu chỉ khác, chính là cầu cho đạt đến mục-đích cần-yếu ấy của sự học Phật đó mà thôi.

Sau đây tôi xin nói về đường lối đi đến chỗ chân-thật. Chúng ta đã nhận có chân-thật, tất phải tu học để chứng ngộ cái chân-thật, mà đường nẻo của sự tu chứng có hai : một là cứ nơi thường-thức, hoặc là cứ nơi học-thuật trong đời, mà y theo Phật-giáo thực-nghiệm tu tập cho tới chỗ chân-thật của Phật ; hai là nương theo lý-trí của Phật mà cầu cho tới chỗ chân-thật.

Nói về phương-pháp thực nghiệm thì không ngoài sáu pháp Ba-la-mật là bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ. Lấy bố thí mà độ lòng xan tham, lấy trì-giới mà độ sự hủy phạm, lấy tinh tấn mà độ sự lười biếng, lấy nhẫn nhục mà độ sự

giận dữ, lấy thuyền định mà độ sự tán loạn, lấy tri huệ mà độ sự ngu si, độ cho đến bờ bên kia, đến bờ chân thật, đến khi thân tâm đều được ở trên bờ chân thật, tức là giải thoát.

Đường lối tu hành thực nghiệm đại lược như vậy, nhưng đó là con đường nhẹ nhõm khó khăn, nếu không phải người có tri huệ lớn lao thời không khỏi sa hãm sụp đổ. Bởi vậy Phật mới dạy cho pháp niệm « Nam-mô A Di Đà Phật » để chúng sanh nương theo lý trí của Phật mà tu hành cho mau thành chánh-quả.

Thưa các ngài, chân thật trùm khắp thái hư hằng thường không thay đổi, tức là không có hạn-lượng, mà chữ « A » nghĩa là « Vô », chữ « Di Đà » nghĩa là « lượng », hiệp lại là « vô lượng », vô lượng tức là không có hạn lượng, thời A Di Đà là chân thật rồi còn tìm đâu xa nữa. Huống Phật đủ muốn hạnh muốn đức nên gọi là vô lượng. Vô lượng thời chi cũng vô lượng: vô lượng thọ, vô lượng quang, vô lượng tri-huệ, vô lượng thần thông, vô lượng diệu dụng, thấy thấy điều vô lượng. Vậy niệm đức Phật A Di Đà tức là niệm cái hằng-thường không thay đổi, là niệm cái tánh trùm khắp cả pháp giới, là niệm cái chân-thật. Chân thật là tự tánh của chúng ta, tự tánh chúng ta là Phật tánh; niệm Di Đà tức là niệm Phật tánh, niệm Phật tánh tức là niệm Di Đà, mà niệm Di Đà cũng tức là niệm cái chân thật đó vậy.

Vậy nên các ngài học Phật, nghĩa là có chí cầu đến chỗ chân thật như Phật, hằng ngày cần phải niệm Phật... Niệm Phật dùng phép thì không khi nào không thiết-hành sáu pháp Ba-la-mật, không khi nào rời tâm-trí đại-thừa; có tâm-trí đại-thừa thì về sáu mới được thành Phật. Nhưng có niệm Phật thời có phần dễ tu sáu pháp Ba-la-mật và mau thành Thánh-quả.

Trong Phật-thuyết A-Di-Đà kinh, Phật Thích-Ca có dạy phải niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng. Phật, pháp, tăng là một, nên chẳng những niệm hiệu Phật, niệm trí-buệ công-đức của Phật là niệm Phật, mà học kinh, thuyết-pháp, giữ giới luật, tu lục độ, cho đến chỉnh đốn tăng giá, hộ trì chánh giáo cũng đều là niệm Phật cả.

Hằng ngày niệm Phật như vậy, đời đời kiếp kiếp niệm Phật như vậy, đến khi công hạnh viên mãn thời mới chứng được chỗ chân thật tuyệt đối của Phật-học.

Nam-mô A-Di-Đà Phật

TRÚC-LÂM Mật-Nguyễn giảng

GIÚP DÂN NGHỆ-TỈNH

Ngày 17 tháng 11 (23 Décembre 1934) Hội Phật Học Huế làm lễ cầu siêu tại chùa Từ-Quang cho nạn dân Nghệ-Tĩnh bị nạn bão lụt.

Các Hội-viên lại phát tâm, người nhiều kẻ ít, cùng được một số bạc cộng là 71\$40, đã đệ lên Bộ Tài-Chánh.

Theo thư số hiệu 411, ngày 1 Février 1935, Bộ Tài-chánh đã tiếp nhận và có lời cảm tạ tất cả Hội-viên.

PHẬT-HỌC-HỘI.



ĐẠI-Ý KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM

(Surangama)

(tiếp theo)

Phật do nơi kiên-tinh mà chỉ rõ như-lai-tạng (chơn-tâm)

Trước kia Phật đã phá các đảo-chấp rồi, nhưng ông A-Nan và đại-chúng đều ngờ ngẩn, chưa rõ chơn-tâm, nên Phật lại trách rằng: « Các người tu-học trong thế-gian, tuy có người chứng được những định: tứ-thuyền, tứ-không và diệt-thọ-tướng, nhưng không hết sự mê hoặc mà thành A-La-Hán là vì lầm chấp cái phan-duyên-tâm, cái nguồn gốc sanh tử kia làm tánh chơn-thiệt, nên không thành chánh-quả ».

Trong chín thứ định, không nói chỉ định tứ-thuyền chưa diệt sắc-âm, định tứ-không chưa diệt thọ-tướng-âm, chớ như diệt-thọ-tướng-dịnh là một bậc định cao, đã dứt sạch những lối manh-tâm giả dối, chỉ còn cái bản-thức mà thôi, làm sao Phật lại trách rằng không thành chánh-quả? Đó là vì trong khi vào diệt-thọ-tướng-dịnh, tuy hình như chứng được chơn-không, nhưng cảnh-giới ấy chỉ vì quán-hạnh tạo-thành chớ không phải thiệt chứng tâm-thể; sở dĩ tuy xa các tiền-trần, nhưng chưa được tánh chơn-phân-biệt. Cũng như người dui, tuy được đến tận bảo-sơn, nhưng không thấy những vật quý báu. Dầu cho trong diệt-thọ-tướng-dịnh phát ra trí-huệ, đẳng phép sanh-không, thành quả A-La-Hán, khỏi vòng luân-hồi đi nữa, mà pháp-chấp chưa trừ, thì cũng không khác chi người con mắt lờ mờ, tuy đến bảo-sơn, nhưng chỉ nhặt được một vật báu mà thôi, chớ không chịu nhận đủ tất cả các vật quý báu trên núi ấy.

Vì vậy, người tu học phải thận-trọng về chỗ phát tâm:

1.) Phát tâm cầu sống lâu, cầu thần thông phép lạ

như các ngoại-đạo, thì cũng như người đui, dầu được diệt-thọ-tướng-định rồi, về sau cũng mắc luân-hồi sanh tử.

2.) Phát tâm nhằm chán sanh tử, ưa mến Niệt-Bàn như hàng Thanh-văn, thì cũng như người mắt lờ, tuy đến nơi căn-bản-thức mà vẫn nằm chắc cái Vô-dư-y-Niệt-Bàn hẹp hòi, không phát sanh được diệu-dựng tự tại của chư Phật.

3.) Duy có những người phát Đại-Bồ-Đề tâm, ngộ thấu tâm tánh là người mắt sáng, không xa trần-duyên mà thoát quên trần-duyên, ngộ căn-bản-thức, rõ biết toàn-thể pháp-giới đều là diệu-chơn-như-tánh của tự-tâm, thì mới có thể tu phép viên-thông, chứng phép viên-thông, chuyển tâm sanh diệt làm tâm Bồ-Đề, nơi dấu theo đường Đại-Niệt-Bàn của Phật.

Vì Phật muốn cho chúng sanh phát Đại-Bồ-Đề tâm, nên ngài do nơi kiến-tinh mà chỉ rõ như-lai-tạng, tức là chơn-tâm, là Phật-tánh đó vậy.

Về mục này, trong một cái « thấy », thường chỉ ra ba phần khác nhau là kiến-tánh, kiến-tinh và nhãn-căn :

1.) Kiến-tánh 見性 là diệu-chơn-như-tánh của kiến-tinh, tức là diệu-chơn-như-tánh của căn-bản-thức, của như-lai-tạng.

2.) Kiến-tinh 見精 là cái thấy trong sạch chưa có phân biệt, chưa chấp cảnh-vật làm tự-tánh ; nghĩa là như mặt gương đã hiện ra có bóng trong gương, nhưng chưa chấp những bóng trong gương là tự-tánh của gương vậy.

3.) Nhãn-căn 根眼 là cái thấy đã xen với cảnh-vật, như chúng ta thấy sáng, thấy tối, thấy lớn, thấy nhỏ, vân vân.

Năm căn khác là nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý, cũng đều có căn, có tinh, có tánh như vậy.

Về căn thì có sáu, nhưng về phần lục-tinh 六精 đã xa trần-duyên, thì không thể chia hẳn làm sáu bộ phận

được, vì thiệt ra nó chỉ là một cái năng-tri 能知 do như-lai-tạng phát hiện mà thôi.

Đến như tánh thời duy có diệu-chơn-như-tánh của như-lai-tạng-tâm chớ không có tánh nào khác nữa.

Rõ được nghĩa của kiến-tánh, kiến-tinh và nhản-căn thời mới hiểu rằng: trong khi Phật chỉ rõ tánh của kiến-tinh, tức là Phật chỉ diệu-chơn-như-tánh của như-lai-tạng đó vậy.

(Tâm thấy, chớ không phải con mắt thấy)

Thế-gian thường nghĩ rằng người đui không thấy, chớ không biết họ có thấy, vì thiệt họ thấy tối đen, chớ không phải toàn là không thấy. Phật muốn chỉ rõ cái thấy là tâm thấy, chớ không phải con mắt thấy, nên hỏi ông A-Nan rằng: «Người đui, trước mắt chỉ thấy tối đen, người có con mắt ở trong nhà tối trước mắt cũng chỉ thấy tối đen, hai cái đen ấy khác nhau hay là không khác». Ông A-Nan thưa: «Không khác», thì Phật dạy rằng: «Một người đui thoát được con mắt sáng, thấy các hình-tượng, nếu cho rằng con mắt thấy; thì người sáng mắt ở trong nhà tối, thoát được có đèn sáng, cũng thấy các hình-tượng thời lại cho là cái đèn thấy hay sao? Suy nghiệm như vậy thời biết: đèn với con mắt chỉ làm rõ hình-tượng chớ thấy đó là tâm chớ không phải con mắt.»

Người đui có tâm cho nên vẫn thấy, chỉ vì đui mắt nên chỉ thấy tối đen như người nhắm mắt mà thôi. Đến khi may được con mắt sáng ra thì họ cũng thấy rõ các hình-tượng.

Tối và sáng là tiền-trần, là ngoại-cảnh; dầu tiền-trần tối sáng thế nào, tánh thấy vẫn không hao kém. Cái tánh không thể hao kém đó chính là một tánh của như-lai-tạng-tâm đó vậy.

(Tánh thấy không lay động).

Phật gạn hỏi bọn ông Kiều-Trần-Như về hai chữ khách, trần, đề cho ông nói rõ chỗ bền ngộ rằng vì nhờ nghe Phật dạy: «chúng sanh không được thành đạo-

quả là vì lầm theo khách trần phiền-não » nên ông chứng biết: hết cả ngoại-trần, nào là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, hết cả nội trần nào là nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý, cho đến tất cả phiền-não, tâm-sở đều lay động thay đổi như khách như trần, không được an-trụ như ông chủ quán, không được vắng-lặng như hư-không; rồi ông xa các món Khách-trần mà ngộ được cái Chủ-không 主空 là Sanh-không-chơn-như của các bậc A-La-Hán.

Về sau Phật lại phóng hào-quang, cho ông A-Nan nghiệm biết kiên-tánh vẫn là an-trụ, không lay động, tức là Chủ-quán tức là Hư-không, đừng ông rõ những cái lay động là khách-trần, chớ không phải thân, phải cảnh, để ông đừng nhận khách-trần là mình mà bỏ mất chơn-tánh, nghĩa là bỏ mất tánh thường-trụ không động của như-lai-tạng-tâm đó vậy.

(còn nữa)

VIÊN-ÂM



經

首楞嚴經



(續)

爾時阿難及諸大衆聞佛示誨，身心泰然；念無始來失卻本心，妄認緣塵分別影事；今日開悟，如失乳兒忽遇慈母；合掌禮佛，願聞如來顯出身心真妄虛實，現前生滅與不生滅，二，發明性。

時波斯匿王起立白佛：「我昔未承諸佛誨勅，見迦-旃-延毗-羅-胝-子咸言此身死後斷滅，名爲涅槃；我雖值佛，今猶狐疑；云何發揮，證知此心不生滅地。今此大衆諸有漏者，咸皆願聞。」

佛告：「大王，汝身現在；今復問汝：汝此肉身，爲同金剛常住不朽，爲復變壞？」

一世尊，我今此身，終從變滅。」

佛言：「大王，汝未曾滅，云何知滅？」

一世尊，我此無常變壞之身，雖未曾滅；我觀現前念念遷謝，新新不住，如火成灰，漸漸銷殞，殞亡不息，決知此身當從滅盡。」

佛言：「如是

大王，汝今生齡已從衰老，顏貌何如童子之時？

— 世尊，我昔孩孺，膚腠潤澤，年至長成，氣血充滿；而今頽齡迫於衰耄，形色枯悴，精神昏昧，髮白，面皺，逮將不久，如何見比充盛之時？」

佛言：「大王，汝之形容應不頓朽？」

王言：「世尊，變化密移，我誠不覺；寒暑遷流，漸至於此。何以故？我年二十，雖號年少，顏貌已老；初十歲時，三十之年，又衰二十；於今六十，又過於二，觀五十時，宛然強壯。世尊，我見密移，雖此殂落，其間流易且限十年；若復令我微細思惟，其變寧唯一紀，二紀，實爲年變；豈唯年變，亦兼月化；何值月化，兼又日遷；沉思諦觀，剎那，剎那，念念之間，不得停住，故知我身終從變滅。」

佛告：「大王，汝見變化遷改不停，悟知汝滅；亦於滅時，汝知身中有不滅耶？」

波斯匿王合掌白佛：「我實不知。」

佛言：「我今示汝不生滅性。大王，汝年幾時見恆河水？」

王言：「我生三歲，慈母攜我謁耆婆天，

經過此流，爾時卽知是恆河水。」

佛言：「大王，如汝所說：二十之時衰於十歲，乃至六十，日月歲時，念念遷變；則汝三歲見此河時，至年十三，其水云何？」

王言：「如三歲時，宛然無異；乃至於今，年六十二，亦無有異。」

佛言：「汝今自傷髮白面皺，其面必定皺於童年；則汝今時觀此恆河，與昔童時觀河之見，有童耄不？」

王言：「不也，世尊。」

佛言：「大王，汝面雖皺，而此見精性未曾皺；皺者爲變，不皺非變；變者受滅，彼不變者元無生滅，云何於中受汝生死；而猶引彼末伽黎等都言：此身死後全滅。」

王聞是言，信知身後，捨生趣生，與諸大衆踊躍歡喜，得未曾有。

(未完)

KINH DIỄN AM

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM (SURAMGAMA)



Nhĩ thời A-Nan cập chư đại-chúng văn Phật thị hối, thân tâm thái nhiên ; niệm vô thỉ lai, thất khước bốn tâm, vọng nhận duyên-trần phân biệt ảnh sự, kim nhứt khai ngộ như thất nhũ nhi hốt ngộ từ-màu ; hiệp chưởng lễ Phật, nguyện văn Như-Lai hiện xuất thân tâm chọn, vọng, hư, thiệt ; hiện tiền sanh diệt dữ bất sanh diệt, nhĩ, phát minh tánh.

Thời Ba-Tư-Nặc-Vương khỉ lập bạch Phật :
« Ngã tích vị thừa chư Phật hối sắc, kiến Ca-Chiên-Diên Tỳ-La-Chi-Tử hàm ngôn thủ thân từ hậu đoạn diệt, danh vi Niệt-Bản. Ngã tuy tri Phật, kim do hồ nghi, vân hà phát huy chứng tri thủ tâm bất sanh diệt địa. Kim thủ đại-chúng chư hữu-lậu giả hàm giai nguyện văn, »

Phật cáo : « Đại-vương, như thân hiện tại, kim phục vẫn như : như thủ nhục thân, vi đồng kim-cang thường-trụ bất hủ, vi phục biến hoại ?

— Thế-Tôn, ngã kim thủ thân chung từng biến diệt. »

Phật ngôn : « Đại-vương, như vị tăng diệt, vân hà tri diệt ?

— Thế-Tôn, ngã thủ vô-thương biến hoại chi thân, tuy vị tăng diệt, ngã quán hiện tiền niệm niệm thiên tạ, tân tán bất trụ, như hỏa

thành khôi, tiệm tiệm tiêu vân ; vân vong bất tức, quyết tri thử thân đương tòng diệt tận. »

Phật ngôn : « Như thế »

Đại-vương, như kim sanh linh dĩ tòng suy lão, nhan mạo hà như đồng tử chi thời ?

— Thế-Tôn, ngã tích hải nhu phu tẩu nhuận trạch, niên chi trưởng thành huyết khí sung mãn, nhi kim đòi linh bách ư suy mạo, hình sắc khô tụy, tinh thần hôn muội, phát bạch diện trứ, đãi tương bất cửu ; như hà kiến tử sung thanh chi thời ! »

Phật ngôn : « Đại-vương, như chi hình dung ưng bất đồn hủ ? »

Vương ngôn : « Thế-Tôn, biến hóa mật di, ngã thành bất giác ; hàn thử thiên lưu tiệm chí ư thử. Hà dĩ cố ? Ngã niên nhị thập tuy hiệu niên thiếu, nhan mạo dĩ lão sơ thập tuế thời ; tam thập chi niên hựu suy nhị thập ; ư kim lục thập hựu quá ư nhị, quan ngũ thập thời uyển nhiên cường tráng. Thế-Tôn, ngã kiến mật di, tuy thử tồ lạc, kỳ gian lưu dịch, thả hạng thập niên ; nhược phục linh ngã vi tế tư duy, kỳ biến ninh duy nhứt kỳ, nhị kỳ, thiết vi niên biến ; khi duy niên biến, diệc kiêm nguyệt hóa ; hà tri nguyệt hóa, kiêm hựu nhứt thiên ; trăm tư, để quán, sát-na, sát na, niệm niệm chi gian bất đắc đình trụ ; cố tri ngã thân chung tòng biến diệt ».

Phật cáo : « Đại-vương, như kiến biến hóa thiên cải bất đình, ngộ tri như diệt ; diệc ư diệt thời, như tri thân trung hủu bất diệt gia ? »

Ba-Tư-Nặc-vương hiệp chương bạch Phật:
« Ngã thiết bất tri. »

Phật ngôn: « Ngã thị như bất sanh diệt
tánh. Đại-vương, như niệm kỷ thời, kiến Hằng
hà thủy? »

Vương ngôn: « Ngã sinh tam tuế, từ mẫu
huê ngã yết Kỳ-Bà-Thiên, kinh quá thử lưu.
Nhĩ thời tứ tri thị Hằng-hà thủy. »

Phật ngôn: « Đại-vương, như nhữ sở thuyết:
nhị thập chi thời suy ư thập tuế, nãi chi lục
thập, nhật, nguyệt, tuế, thời, niệm niệm thiên
biển; tắc nhữ tam tuế kiến thử hà thời, chi
niên thập tam, kỷ thủy vân hà? »

Vương ngôn: « Như tam tuế thời, uyên nhiên
vô dị; nãi chi ư kim niên lục thập nhị, diệc
vô hữu dị. »

Phật ngôn: « Nhữ kim tự thương phát bạch
diện trứ, kỷ diện tất định trứ ư đồng niên,
tắc nhữ kim thời quan thử Hằng-hà, dữ tích
đồng thời quan hà chi kiến, hữu đồng mạo
phủ? »

Vương ngôn: « Phất giả, Thế-Tôn. »

Phật ngôn: « Đại-vương, như diện tuy trứ,
nhị thử kiến tinh tánh vị tăng trứ; trứ giả
vi biến, bất trứ phi biến; biến giả thọ diệt;
bỉ bất biến giả, nguyên vô sanh diệt, vân hà
ư trung thọ như sanh tử; nhị do dẫn bỉ Mạc-
Già-Lê đẳng đo ngôn: thử thân tứ hậu toàn diệt. »

Vương vân thị ngôn. tín tri thân hậu xả sanh
thú sanh, dữ chư đại-chúng đồng được hoan hỷ,
đắc vị-tăng-hữu. (vị hoàn)

KINH DIỄN NGHĨA

KINH THỦ-LĂNG-N (SURAMGAMA)

(Tiếp theo)

Khi bấy giờ ông A-Nan cùng đại-chúng nghe lời Phật dạy, thân tâm thư thối ; nghĩ mình từ vô-thỉ quên mất bản-tâm, nhận lầm cái bóng duyên-trần phân-biệt làm tâm, ngày nay được khai ngộ cũng như đứa con khát sữa thoát gặp bà tử-mẫu ; đồng nhau xấp tay lạy Phật, xin nghe Như-Lai chỉ rõ ở nơi thân tâm chỗ chơn, chỗ vọng, chỗ thiệt, chỗ hư ; hiện tiền cái chi là sanh diệt và cái chi là không sanh diệt, xin Phật nói rõ hai tánh ấy cho.

Liền khi ấy ông Ba-Tư-Nặc-Vương (1) đứng dậy bạch Phật : « Trước khi tôi chưa nhờ các đức Phật dạy bảo, thấy bọn ngoại-đạo tên là Ca-Chiên-Diên và Tì-La-Chi-Tử đều nói thân này chết rồi mất hẳn, gọi là Niệt-Bàn (2). Ngày nay tôi tuy gặp Phật, nhưng vẫn còn hồ-nghi chỗ ấy, xin Phật chỉ rõ vì sao chúng biết tâm này, chỗ không-sanh-diệt. Nhưng bậc hữu-lậu (3) trong đại-chúng này cũng đều trông mong nghe Phật chỉ rõ chỗ ấy. »

Phật dạy : « Đại-vương, hiện nay cái thân của ông đồ, tôi lại hỏi ông : cái nhục-thân (4)

1. — Ba-Tư-Nặc-vương : (Pâraṣi), vua nước Xá-Vệ (Kosala).

2. — Niệt-Bàn : (Nirvana) xin xem Viện-Âm số hai.

3. — Hữu-lậu : còn mê lầm.

4. — Nhục-thân : là xác thịt.

ấy là thường-trụ không hư nát như kim-cương,
(5) hay là phải biến diệt và hư nát ?

— Bạch Thế-Tôn, cái thân tôi đây rồi
cũng biến diệt hư nát. »

Phật dạy : « Đại-vương, nay thân ông chưa
tăng biến-diệt đến, làm sao mà ông biết phải
biến-diệt ? »

— Bạch Thế-Tôn, cái thân vô-thường biến-
hoại của tôi đây tuy chưa tăng diệt, nhưng
tôi xét hiện tiền niệm niệm dời đổi luôn luôn
không đứng như củi đốt thành tro, lần lần
tiêu mất, tiêu mất mãi không thôi, nên tôi
biết chắc thân này rồi phải diệt mất. »

Phật dạy : « Phải vậy.

Đại-vương, nay tuổi tác ông lần đã già yếu,
vay hình dung của ông so với khi đương trẻ
khác nhau thế nào ?

— Bạch Thế-Tôn, khi tôi bé nhỏ da thừa
đượm nhuận, đến khi trưởng-thành huyết-khí
đầy đủ, mà nay tuổi già đã gần suy yếu, nên
hình sắc khô gầy, tinh-thần lẫn lộn, tóc bạc
mặt nhăn, sống chẳng bao lâu nữa ; so sánh
sao đáng với lúc tuổi trẻ mạnh mẽ ! »

Phật dạy : « Đại-vương, hình-dung của ông
nào phải đương trẻ mà già liền đâu ? »

Vua thưa : « Bạch Thế-Tôn, sự biến hóa của
thân tôi thăm thăm dời đổi, tôi thiệt không hay ;
nắng mưa thấm thoát lần đến thế này. Vì sao ?

Khi tôi 20 tuổi tuy là còn trẻ, nhưng mặt mày đã già hơn khi 10 tuổi; khi 30 tuổi lại sứt hơn khi 20, đến nay đã 50 tuổi lại thừa 2 tuổi, coi lại thời lúc 50 còn trẻ hơn nhiều. Thừa Thế-Tôn, tôi thấy năm thăm đời đời như thế; thân này nay suy kém, mà trong chỗ đời đời hạn chừng 10 năm; như tôi suy nghiệm lại cho chín chắn thời cái thay đổi ấy không những một kỳ hai kỳ, thiết là mỗi năm mỗi thay đổi; không những mỗi năm mỗi thay đổi, thiết là mỗi ngày mỗi biến-hóa; không những mỗi tháng mỗi biến-hóa, thiết là mỗi ngày mỗi đời đời nghĩ chín, xét kỹ, trong mỗi sát-na, (6) sát-na mỗi niệm, (7) mỗi niệm, chẳng đặng dừng ng' , vậy biết thân tôi thế nào cũng phải biến-diệt

Phật dạy: « Đại-vương, ông thấy biến-hóa đời đời không dừng mà ngộ biết thân ông phải biến-diệt; nhưng trong khi biến-diệt, ông có biết trong thân ông có cái gì không biến-diệt chăng? »

Vua Ba-lư-Nặc-Vương xấp tay bạch Phật: « Tôi thiết không biết ».

Phật dạy: « Tôi nay khai-thị (8) cho ông cái tánh không-sanh-diệt. Nay Đại-vương, khi ông mấy tuổi mới thấy nước sông Hằng? (9)

6. — Sát-na: (K) niệm là 1/90 sát-na.

7. — Mỗi niệm: móng tay

8. — Khai-thị: 1

9. — Sông Hằng
Hi-Mã-Lạp
3.100 cây

à thì giờ rất ngắn ngủi. (Có sách nói mỗi sát-na; theo pháp-sở trong một niệm có 90 sát-na)

bát động thì gọi là niệm. Trong thì giờ gãy niệm.

ày chỗ chơn chỗ vọng rõ ràng minh bạch. e), là con sông lớn nhất ở Ấn-Độ, nguồn từ Himalaya) chạy xuống vịnh Bengale, dài đến

Vua thưa rằng: « Khi tôi tuổi nên ba, từ-mẫu tôi dắt đến yết thần Kỳ-Bà-Thiên, (10) có đi qua sông ấy. Liền khi ấy, ~~thấy~~ là nước sông Hằng.»

Phật dạy: « Đại-vương, như ông vừa nói: khi 20 tuổi kém hơn khi 10 tuổi, cho đến 60 tuổi, ngày, tháng, năm, giờ, thân ông niệm niệm dời đổi; vậy thì khi 3 tuổi ông thấy nước sông ấy với khi 13 tuổi, nước sông ấy thế nào? »

Vua thưa: « Cũng như khi 3 tuổi, y nhiên không khác; cho đến nay đã 62 tuổi cũng vẫn không khác.»

Phật dạy: « Ông nay tuy mình tóc bạc mặt nhăn, mặt ông chắc hẵn già hơn lúc bé, nhưng ông hiện nay xem thấy sông Hằng, với cái thấy sông Hằng lúc còn nhỏ, có già trẻ chi chảng? »

Vua bạch Phật rằng: « Chẳng có vậy, thưa Thế-Tôn. »

Phật dạy: « Đại-vương, mặt ông tuy nhăn, nhưng cái tánh thấy kia chưa tăng nhăn; cái có nhăn thời có thay đổi, cái không nhăn thì không thay đổi. Cái có thay đổi thời phải tiêu diệt, cái không thay đổi vốn không, sanh diệt, lẽ nào lại cùng ông chịu sống chịu chết, mà ông còn dẫn lời nói của bọn Mạc-Già-Lê (11) kia rằng: thân này chết rồi mất hẵn. »

Vua nghe lời dạy ấy rồi, tin biết về sau vô thân này chịu thân khác, cùng với đại-chúng nhẩy nhót vui mừng, đặng cái chưa-tăng-có, (12)

VIÊN-ÂM

(còn nữa)

10. — Kỳ-Bà-Thiên: là vị thiên-thần ở Đạo-lợi-thiên tên là Kỳ-Bà (Jiva); tục xưa Ấn-Độ thờ vị này để cầu trường-thọ.

11. — Mạc-Già-Lê: Mạc-Già-Lê Câu-Xa-Li Phật-Đa-La (Maskāri Gosālaputra) là một thầy có danh về phái tự-nhiên ngoại-đạo bên Ấn-Độ khi Phật tại-thế (một người trong bọn Lục-sự).

12. — Cái chưa-tăng-có: là trước chưa hề có, đến nay mới có.

PHEP TU NIEM THƯƠNG NGAY THEO

TINH-ĐÀ

TIÊU-DẪN

Người học Phật, chẳng những phải tham-cứu chơn-lý, mà lại cần phải y như chơn-lý mà thiết hành cho đến khi chứng được chơn-lý; vì nếu chỉ hiểu lý mà không tu thì có khác chi người nói ăn mà không ăn, biết bao giờ cho hết đói.

Trong các phép tu hành, phép niệm Phật (Tịnh-Độ-Tôn) là một phép tuyệt-diệu, dễ dễ học dễ tu, lại mau có hiệu-quả. Nghĩa lý của phép niệm Phật tuy nhiều, nhưng không ngoài sáu chữ: Nam-mô A-Di-Đà Phật ».

Nam-mô nghĩa là qui-y, là qui-mạng. Nam-mô A-Di-Đà Phật là nương theo đức Phật A-Di-Đà, là gởi thân-mạng mình nơi đức Phật A-Di-Đà, chứ không nương theo tánh chúng sanh, không gởi thân-mạng cho tánh chúng sanh nữa. Người niệm Phật hằng ngày phải nhớ Phật, trong khi thân làm việc gì, miệng nói điều gì, ý nghĩ sự gì đều nói theo tâm tánh bản-lai thanh-tịnh của Phật, không noi theo vọng-tưởng chúng sanh của mình, thì mới thiết là niệm Phật.

Vì như người theo thiếp tập viết chữ cho tốt, ban đầu thiếp một nơi, mình một ngã, chữ thiếp vẫn tốt, chữ mình vẫn xấu; lần lần đồ đã y chữ thiếp, những nét viết còn kém; về sau lâu ngày, tập đã thành tánh thì viết tốt như chữ thiếp.

Người niệm Phật cũng vậy, tuy khi ban đầu nguyện bỏ tánh tham, sân, si, vẩn vẩn... do ngã-chấp của chúng sanh tạo-thành mà thường khi niệm theo tánh bản-lai thanh-tịnh từ-bị hỉ-xả của đức Phật A-Di-Đà,

nhưng Phật là Phật, mình là mình, còn khác nhau như trời với vực. ~~thời~~ thời mê lầm của chúng sanh mỗi ngày mỗi ~~đều~~ thanh-tịnh của chư Phật mỗi ngày mỗi thêm, thì cử tâm động niệm tuy không y như Phật, nhưng đã ít khi trái với Phật-tánh. Lăn lăn như vậy cho đến khi tâm chúng sanh dứt sạch, dầu thân-nghiệp, khẩu-nghiệp hay ý-nghiệp, niệm niệm đều khế-hiệp với Phật-tánh, tức là được minh-tâm kiến-tánh.

Chư Phật mà thành Phật là vì niệm niệm đều là niệm Phật, chúng sanh mà thành chúng sanh là vì niệm niệm đều là niệm chúng sanh; nếu chúng sanh không niệm chúng sanh mà niệm Phật thời chắc chắn phải thành chánh-quả.

Phép tu niệm Phật huyền-diệu vô cùng, nên chẳng những người tu Tịnh-Độ cần phải niệm Phật mà người tu các pháp-môn khác cũng thường phải niệm Phật mới khỏi lạc về ngoại-đạo; lại chẳng những phàm-phu phải niệm Phật, mà các vị Đại-Bồ-Tát cũng thường thường niệm Phật mới trừ hết vi-tế hoặc mà chứng đẳng đạo-quả viên-mãn của chư Phật.

Người tu phép niệm Phật cả ngày cả đêm phải niệm Phật: làm việc cũng niệm, ăn uống cũng niệm, dạo chơi cũng niệm, cho đến khi đi ngủ, không khi nào là không niệm; vì hễ có cử tâm động niệm thì đều phải nương theo bản-tánh thanh-tịnh từ-bi-hỉ-xả của đức Phật A-Di-Đà cả.

Vậy thì biết phương pháp tu niệm sau này chỉ là những buổi công-phu đặc-biệt để mau dứt trừ thói chúng-sanh, mau khế-hiệp với Phật-tánh đó thôi.

Các câu chú là những bi-ngữ do tâm-trí bất-khả-tư-nghĩ của Phật phát sanh ra, không thể dịch được, không thể hiểu được, duy có tin nơi diệu-dùng từ-bi của Phật mà niệm, thời sẽ được nhiều phần lợi ích.

Khi niệm câu chú súc miệng, thì phải cầu cho lời nói từ nơi miệng ấy ra đều khế-hiệp với đức-tánh

của Phật A-Di-Đà. Khi niệm câu chú rửa tay, thì cầu cho tất cả các việc làm đều khế-hiệp với đức-tánh của Phật A-Di-Đà. Khi niệm câu chú rửa mặt, thì cầu cho năm căn (nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân) không vướng với trần-cảnh và được thanh-tịnh như năm căn của Phật A-Di-Đà. Khi niệm chú Tịnh-pháp-giới, thì cầu cho chúng biết tướng chơn-thiệt bình-dẳng như như của các pháp như chư Phật. Khi niệm chú Tịnh-tam-nghiệp, thì cầu cho ba nghiệp (thân, khẩu, ý) của mình đều thanh-tịnh, y như diệu-dụng của Phật mà phát hiện. Khi niệm chú Đại-bi, thì cầu cho được tâm đại bi bình-dẳng của đức Quán-Thế-Âm để phổ-độ chúng sanh. Khi niệm chú vắng-sanh, thì cầu cho tâm-tánh của mình mỗi ngày mỗi gần tâm-tánh của Phật đặng chắc chắn vắng-sanh về cõi Tịnh-độ của đức Phật A-Di-Đà.

Trong khi niệm chú mà phát nguyện như vậy thì chắc được Phật hộ-trì cho, đường tu hành mau có hiệu-quả. Đến như trong khi niệm Phật thời nhất định phải đem tâm thanh-tịnh (chớ không nên đem tâm cầu danh lợi v. v.) mà niệm Phật, niệm cho đến khi tâm năng-niệm 能念 và Phật sở-niệm 所念 dung hiệp làm một thì được mình tâm kiến-tánh và tự-tại vắng-sanh về tây phương Tịnh-Độ.

Dầu chưa đặng vậy, nhưng nếu hằng ngày niệm Phật không quên thì đến khi lâm-chung cũng chắc có Phật đến tiếp-dẫn về Tịnh-độ. Một điều cốt yếu là người niệm Phật cần phải giữ bốn giới: sát, đạo, dâm, vọng cho nghiêm ngặt, vì sát, đạo, dâm, vọng thiệt trái hẳn với đức từ-bi-hỉ-xả của chư Phật. Dầu cho nghiệp chướng nặng nề, không thể giữ đủ bốn giới, thì cũng phải gắng giữ trọn hai, ba giới mới được.

Nam-mô A-Di-Đà Phật.

(Muốn rõ thêm sự, lý phép niệm Phật, xin xem ba bài giảng về phép tu Tịnh-độ trong Viên-Âm số 6, 7 và 8).

Pháp-vương vô-thượng-tôn, tam giới vô
a thất,



Thiên nhơn chi đạo-sư, tứ sanh chi từ-phụ,
Ư nhứt niệm qui-y, năng diệt tam kỳ nghiệp,
Xưng dương nhược tán thân, ức kiếp mạc
g tận.

王無上尊,三界無倫匹,天人之導
四生之慈父.於一念皈依,能滅三
業.稱揚若讚歎億劫莫能盡.

ịch nghĩa. Đức Pháp-Vương vô thượng, trong ba cõi
ng ai sánh vi được, ngài là bậc đạo-sư (thầy chỉ đường
hàng Nhơn, Thiên, là từ-phụ của bốn loài. Qui-y
ngài trong một niệm thì dứt được tội nghiệp trong
vô số kiếp. Đức của Phật lớn lao, dầu khen ngợi
tán thân đến ức kiếp cũng không bao giờ cùng hết.

(Rồi qui thẳng mình đọc bài cúng dường):

Nguyện thử hương hoa vân, biến mãn thập
ương giới,

Cúng dường nhứt thể Phật, tôn-pháp, chư
-tát,

Vô biên Thanh-văn chúng, cập nhứt thể
nh-hiến;

Dĩ khĩ quang-minh-đài, quá ư vô biên giới,
Vô biên Phật-độ trung, thọ dụng tác Phật-sự,
Phổ huân chư chúng sanh, giai phát Bồ-
-tâm.

Dung nhan thậm kỳ diệu, quang-minh
iế thập phương.

Ngã tích tăng cúng dường, kim phục hê thân cần,

Thánh chúa  lung-vương, Ca-lăng-tăng-già thanh,

Ai mẫn chư chúng sanh, cố ngã kim kinh

願此香花雲，遍滿十方界，供養一
佛，尊法，諸菩薩，無邊聲聞衆，及一
聖賢；以起光明臺，過於無邊界，無
佛土中，受用作佛事，普薰諸衆生，
發菩提心，容顏甚奇妙，光明照十
我昔曾供養，今復還親覲，聖主天
王，迦陵頻伽聲，哀憫諸衆生，故我
敬禮。

Dịch nghĩa. — Nguyên làn khói hương này bay khắp mười phương thế giới, cúng dường tất cả các đấng Phật, tôn-pháp (pháp của Phật), các vị Bồ-Tát, vô chúng Thanh-văn và tất cả các hàng thánh-hiền; đài quang minh hiện ra trùm khắp vô số thế giới, ở trong vô cõi Phật, xin thọ dụng đặng làm Phật sự: xông khắp chúng sanh đều phát lòng Bồ-Đề.

Dụng-nhan rất đẹp lạ, hào quang soi cả mười phương trước tôi đã cúng dường, nay lại được bốn thân bài vị Phật là Đức Thánh-chúa lớn hơn hết trong các cõi tri pháp-âm như tiếng chim Ca-Lăng-Tăng-già; vì thương xót chúng sanh nên nay tôi lễ kính.

(Niệm xong, đến cắm hương ngay thẳng lên lư nhang đánh ba tiếng chuông, về đứng trước Phật, xấp tay đảnh lễ Phật tát quán):

Năng-lễ, sở-lễ, tánh không tịch,

Cắm ứng đạo giao, nan tư nghi;

Ngã thủ đạo trường như đê-châu,

Thập phương chư Phật ảnh hiện trung;
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
Đầu diện tiếp túc qui-y lễ.

能禮所禮性空寂，感應道交難思議；
我此道場如帝珠，十方諸佛影現中；
我身影現諸佛前，頭面接足皈命禮。

Dịch nghĩa. — Năng-lễ (minh) với sở-lễ (Phật), tự-tánh vốn vắng lặng, cảm ứng đạo giao (hễ có cảm thì có ứng) khó nghĩ nghĩ; chốn đạo-trường này như đế-châu, sáng mười phương các đức Phật hiện ở trong ấy; bóng của tôi cũng hiện trước các đức Phật, đầu và mặt tôi cúi bắt chân Phật làm lễ qui-y.

(Tiếp xướng câu):

Nam-mô tận hư-không, biến pháp-giới, quá,
hiện, vị-lai chư Phật, tôn-Pháp, hiền-thánh-Tăng,
thường-trụ Tam-bảo (lạy xuống ba lạy)

南無盡虛空，徧法界，過，現，未來諸佛，
尊法，賢聖僧，常住三寶。

Dịch nghĩa. — Qui-y theo, tột hư-không, khắp pháp-giới, quá-khứ, hiện-tại, vị lai, các đức Phật, tôn-pháp của Phật và các vị hiền-thánh-tăng, là tam-bảo thường-trụ.

(Rồi xướng):

Nam-mô bốn-sư Thích-ca-mâu-ni Phật, tiếp-
đẫn-đạo-sư A-di-đà Phật (lạy xuống ba lạy)

南無本師釋迦牟尼佛，接引導師阿
彌陀佛。

(Rồi xướng)

Nam-mô Quán-thế-âm Bồ-tát, Đại-thế-chí Bồ-tát
Thanh-tịnh đại-hội chúng Bồ-tát (lay xuống ba lay)

南無觀世音菩薩 大勢至菩薩 清淨
大海衆菩薩。

(Lay xong, ngồi xuống tề chỉnh, hoặc kiết-già, hoặc bán-già hai tay xấp ngang ngực, hoặc bắt ấn Tam-Muội hay ấn Vãng-Sanh, lưng không cong cũng không ngã ra sau, hai mắt nhắm vừa, hơi thở hòa hoãn; rồi bắt đầu tụng một biến chú « Đại-bi »):

Nam-mô Đại-bi-hội thượng Phật, Bồ-tát (3 lần)

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại-bi tâm
đà-la-ni:

Nam-mô hắc ra đát na đát ra dạ da, nam
mô a lý da bả lô cát đế thước bát ra da, bồ đề
tát đỏa bả da, ma ha tát đỏa bả da, ma ha cá l
ni ca da. Ân, tát bàn ra phạt duệ, số đát na
đát tả. Nam-mô tát các lật đỏa y mông a lý da
bả lô cát đế thất phạt ra lăng đa bà. Nam-m
na ra cần tri, hê ly ma ha bàn đát sa mế, tát
bả a tha đẩu du băng, a the đưng, tát bả tá
đát na mã bả đát, ma phạt đật đẩu, đát diệt tha
Ân, a bả lô hế, lô ca đế, ca ra đế, di hê ly, ma
ha bồ đề tát đỏa, tát ba tát bà, ma ra ma ra, ma
hê ma hê ly đát đưng, cu lô cu lô yết mông, đ
lô độ lô phạt xá da đế, ma ha phạt xá da đế, đ
ra đát ra địa lý ni, thất phạt ra đát ra đát ra
mạ. mạ phạt ma ra, mục đế lệ, y hê y hê, thất n
thất na, a ra sâm Phật ra xá-lợi, phạt sa ph
sâm, Phật ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô l

lô hê ly ta ra ta ra, tất ly tất ly, tô lô tô lô, bồ-
đề dạ, bồ-đề dạ, bồ đà dạ, bồ đà dạ, di đê lợi
dạ, na ra cần tri, địa lợi sắt ni na. Ba dạ ma na,
ta bà ha, tất đà dạ, ta bà ha, ma ha tất đà dạ,
ta bà ha, tất đà du  bản ra dạ, ta bà
ha, na ra cần tri, ta bà ha, ma ra na ra, ta bà
ha, tất ra tăng a mục khư da, ta bà ha. Ta bà
ma ha, a tất đà dạ, ta bà ha, giả các ra a tất
đà dạ, ta bà ha, ba đà ma yết tất đà dạ, ta bà ha,
na ra cần tri, bản giả ra dạ, ta bà ha, ma bà ly
thăng yết ra dạ, ta bà ha. Nam-mô hắc ra đát
na đà ra dạ da, nam-mô a ly da bà lô cát đế
thước bản ra dạ ta bà ha. Án, tất điện đồ, mạn
đà ra, bạt đà da, ta bà ha.

南無大悲會上佛菩薩

千手千眼無礙大悲心陀羅尼；

南無喝囉怛那哆囉夜耶, 南無阿唎耶婆盧羯
帝爍鉢囉耶, 菩提薩埵婆耶, 摩訶薩埵婆耶,
摩訶迦盧尼迦耶. 唵, 薩皤羅罰曳, 數怛那怛寫
南無悉吉栗埵伊蒙阿唎耶, 婆盧吉帝室佛囉
楞梨婆. 南無那囉謹墀, 醯唎摩訶皤哆沙咩,
薩婆阿他豆輸朋, 阿逝孕, 薩婆薩哆, 那摩婆伽
摩罰特豆. 怛姪他. 唵, 阿婆盧醯, 盧迦帝, 迦羅
帝, 夷醯唎, 摩訶菩提薩埵, 薩婆, 摩囉摩
囉, 摩醯摩醯, 利駛孕, 俱盧俱盧羯蒙, 度盧度盧
罰闍耶帝, 摩訶罰闍耶帝, 陀羅陀羅地唎尼,
室佛囉耶, 遮囉遮囉, 麼麼罰摩囉, 穆帝隸, 伊

醯伊醯室那室那, 阿囉參佛囉舍利, 罰沙罰
 參, 佛囉舍耶, 呼盧呼盧摩羅, 呼盧呼盧醯利娑
 囉娑羅, 悉唎悉唎, 薩盧蘇盧, 菩提夜, 菩提夜,
 菩馱夜, 菩馱夜, 彌帝夜, 那囉謹墀, 地利瑟
 尼那, 波夜摩那, 娑婆訶, 悉陀夜, 娑婆訶, 悉陀
 喻藝, 室蟠羅耶, 娑婆訶, 那囉謹墀, 娑婆訶, 摩
 囉那囉, 娑婆訶, 悉囉僧阿穆佉耶, 娑婆訶, 娑
 婆摩訶, 悉陀夜, 娑婆訶, 者吉囉阿悉陀夜,
 娑婆訶, 波陀摩羯悉陀夜, 娑婆訶, 那囉謹墀
 蟠伽囉耶, 娑婆訶, 摩婆利勝羯羅夜, 娑婆訶,
 南無喝囉怛那哆囉夜耶, 南無阿利耶婆囉吉
 帝, 爍皤囉夜, 娑婆訶, 唵, 悉殿都, 漫多囉跋隨
 耶, 娑婆訶.

(Rồi tụng Bát-nhã Tâm kinh một biến):

Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật-đa Tâm kinh.

Quán-tự-tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-
 mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ
 nhứt thế khổ ách. Xá-lợi-tử, sắc bất dị không,
 không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức
 thị sắc, thọ tướng hành thức diệt phục như thị.
 Xá-lợi-tử, thị chư pháp không tướng, bất sanh
 bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.
 Thị cố không, trung vô sắc, vô thọ tướng hành
 thức, vô nhân nhĩ tử thiết thân ý, vô sắc thanh
 hương vị xúc pháp, vô nhãn-giới nãi chí vô ý-
 thức-giới, vô vô-minh diệc vô vô-minh tận, nãi chí
 vô Lão-Tử, diệc vô Lão-Tử tận, vô khổ tập diệt

đạo, vô tri diệc vô đắc, dĩ vô sở đắc cố. Bồ-đề
tát-đỏa, y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái
ngại, vô quái ngại cố, vô hữu không bố, viễn ly
điên đảo mộng tưởng.  Như Niệt-bàn; tam
thê chư Phật y bát-nhã ba-la-mật-đa cố, đắc
A-nuợc-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Cổ tri bát-
nhã ba-la-mật-đa thị đại thần chú, thị đại minh
chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú,
năng trừ nhứt thế khổ, chơn thiệt bất hư.

Cổ thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa chú; tức thuyết
chú viết: « yết-đế, yết-đế, ba-la yết-đế, ba-la tăng
yết-đế; bồ-đề tát-bà-ha ».

摩訶般若波羅密多心經.

觀自在菩薩行深般若波羅密多時,照見五
蘊皆空,度一切苦厄.舍利子,色不異空,空不
異色,色卽是空,空卽是色,受想行識亦復如
是.舍利子,是諸法空相,不生不滅,不垢不淨,
不增不減.是故空中無色,無受想行識,無眼
耳鼻舌身意,無色聲香味觸法,無眼界乃至無
意識界,無無明,亦無無明盡,乃至無老死,亦
無老死盡,無苦集滅道,無智亦無得,以無所
得故.菩提薩埵,依般若波羅密多故,心無罣
礙,無罣礙故,無有恐怖,遠離顛倒夢想,究竟
涅槃.三世諸佛依般若波羅密多故,得阿耨多
羅三藐三菩提.故知般若波羅密多是大神
咒,是大明咒,是無上咒,是無等等咒,能除一

切苦, 眞實不虛. 故說般若波羅密多咒: 卽說咒曰: «揭諦, 揭諦, 波羅揭諦, 波羅僧揭諦, 菩提薩婆訶»

(Bát-nhã Tâm kinh đã dịch trong Viên Âm từ số 1 đến số 5).

(Hết tụng Tâm kinh, tiếp tụng bảy lần câu chú Vãng Sanh sau này):

Nam-mô a di đà bà dạ, đa tha dà đa dạ, đa địa dạ tha, a di rị đô bà tỳ, a di rị đa tất đam bà tỳ, a di rị đa lỵ ca lang đế, a di rị đa tỳ ca lang đa, dà di nị, dà dà na, chỉ đa ca lệ, ta bà ha.

南無阿彌多婆夜, 哆他伽哆夜, 哆地夜他, 阿彌唎都婆毗, 阿彌唎哆悉耽婆毗, 阿彌唎哆毗迦蘭帝, 阿彌唎哆毗迦蘭哆, 伽彌膩伽伽那, 枳哆迦隸娑婆訶.

(Rồi tụng):

A-Di-Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân;
Bạch hào uyển chuyển ngũ tu-di,
Cầm mục trùng thanh tứ đại hải;
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ-tát-chúng diệc vô biên;
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh,
Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn.
Nam-mô tây phương Cực-lạc thế-giới đại-tử
đại-bì A-di-đà Phật.

阿彌陀佛身金色,相好光明無等倫,
白毫宛轉五須彌,紺目澄清四大海,
光中化佛無數,菩薩衆亦無邊,
四十八願度衆生,九品咸令登彼岸,
南無西方極樂世界大慈大悲阿彌陀佛。

Dịch nghĩa. — Phật A-Di-Đà thân sắc vàng, tướng tốt chói sáng không chi kịp, năm tu-di luồn léo bạch-hào, bốn biển lớn xanh ngời mắt ngọc. Trông hào-quang hóa vô số Phật, vô số Bồ tát hiện ở trong, bốn mươi tám nguyện cứu chúng sanh, Chín phẩm đều lên bờ giải-thoát.

Một lòng nương theo đức Phật A-di-đà đại từ đại bi ở thế-giới cực-lạc phương tây.

(Rồi niệm, hoặc niệm cổ tiếng, hoặc mật-niệm):

Nam-mô A-Di-Đà Phật (300 lần sắp lên)

南 無 阿 彌 陀 佛

Nam-mô Quán-thế âm bồ-lát (10 lần)

南 無 觀 世 音 菩 薩

Nam-mô Đại-thế-chí bồ-tát (10 lần)

南 無 大 勢 至 菩 薩

Nam-mô Thanh-tịnh đại-hải-chúng bồ-tát (10 lần)

南 無 清 淨 大 海 衆 菩 薩

(Niệm Phật xong, mở mắt từ từ, xấp tay tụng bài Hồi-hương):

Khê thủ tây phương An-lạc quốc, Tiếp dẫn chúng sanh đại Đạo-sư, ngã kim phát nguyện nguyên vãng sanh, duy nguyện Từ-bi ai nhiếp-thộ.

Đệ tử chúng đấng, phổ vị tứ ân, tam hữu, pháp-giới chúng sanh, cầu ư chư Phật, nhứt thừa vô-thượng. Bồ-đề đạo cố, viên tâm tri niệm A-Di-Đà Phật vạn đức hồng hỷ, kỳ sanh Tịnh-độ.

Hữu dĩ nghiệp trọng phước khinh, chướng thâm huệ thiện, nhiễm lâm dị xí, tịnh-đức nan thành; kim ư Phật tiền, kiêu cầu ngũ thê, phi lịch nhứt tâm, đầu thành sám-hối; ngã cập chúng sanh, khoáng kiếp chỉ kim, mê bôn-tịnh-tâm, lũng tham, sân, si, nhiễm uế tam nghiệp; vô-lượng vô-biên sở tât tội-cấu, vô-lượng vô-biên sở kiết oan-nghiệp, nguyên tât tiêu diệt.

Túng ư kim nhứt, lập thâm thệ-nguyện: viễn ly ác-pháp, thệ bất cánh tạo; cần tu Thánh-đạo thệ bất thối đoạ; thệ thành Chánh-giác, thệ độ chúng sanh.

A-di-đà Phật dĩ từ-bi-nguyện-lực, đương chứng-tri ngã, đương ai-mẫn ngã; đương gia-bị ngã; nguyện thuyền-quán chi trung, mộng-mị chi tế, đặc kiến A-di-đà Phật kim sắc chi thân, đặc lịch A-di-đà Phật bảo-nghiêm chi độ, đặc mong A-di-đà Phật cam-lộ quán đảnh, quang minh chiếu thân, thủ ma ngã đầu, y phủ ngã thê; sử ngã túc chướng tự trừ, thiện căn tăng trưởng, tât không phiền-não, đồn phá vô minh, Viên-giác-diệu-tâm khoách nhiên khai ngộ, Tịch-quang chơn cảnh thường đặc hiện tiền.

Chỉ ư lâm dục mạng chung, dự tri thời chí; thân vô nhứt thê bệnh khổ ách nạn, tâm vô nhứt thê tham luyến mê hoặc, chư căn duyệt dự, chánh niệm phân minh, xả báo an tượng như nhập

thuyền-định. A-di-đà Phật, đứ Quán-âm Thế-chỉ
chư thánh hiền chúng, phóng quang tiếp dẫn,
thùy thủ đề huề; lâu cữu hương phan, dị hương,
thiên nhạc, tỳ phượng Thánh-cảnh, chiếu thị
mục tiền; linh chư chúng sanh, kiến giả, văn
giả, hoan hỷ cảm thân, phát Bồ-đề tâm. Ngã
ư nhĩ thời, thừa kim-cang-đái, tùy tùng Phật
hậu, như đàn chỉ khoảnh, sanh Cực-lạc-quốc,
Thất-bảo-trì nội thắng-liên-hoa trung. Hoa khai
kiến Phật, kiến chư Bồ-tát, văn diệu pháp âm,
hoạch Vô-sanh-nhẫn; ư tu-du gian thừa sự chư
Phật, thân mong thọ ký. Đắc thọ ký dĩ, tam
thán, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông, vô-lượng bách
thiên đa-la-ni môn, nhứt thể công-đức, giai
tất thành-tựu. Nhiên hậu, bất vi An-đương,
hồi nhập Ta-bà, phân thân vô-số biến thập
phương sát, dĩ bất khả tư nghi tự-tại thần-lực,
chường chường phương-tiện, độ thoát chúng
sanh, hàm linh ly nhiễm, hoằng đặc tịnh-
tâm, đồng sanh tây phương, nhập Bất-thối-địa.

Như thị đại-nguyện, thế-giới vô-tận, chúng
sanh vô-tận, nghiệp cập phiên-nảo, nhứt thể vô-
tận, ngã nguyện vô-tận. Nguyện kim lễ Phật,
phát nguyện, tu trì công đức, đồng thí hữu-
tinh; tứ ân tổng báo, tam hữu tề tư, pháp-giới
chúng sanh đồng viên chường-trí.

稽首西方安樂國,接引衆生大導師,我
今發願願往生,惟願慈悲哀攝受.

弟子衆等,普爲四恩三有法界衆生,求

於諸佛，一乘無上。菩提道故，專心持念阿彌陀佛萬德洪名，期生淨土。

又以業重福輕，障深慧淺，染心易熾，淨德難成；今於佛前，翹勤五體，披瀝一心，投誠懺悔。

我及衆生，曠劫至今，迷本淨心，縱貪瞋癡，染穢三業，無量無邊所作罪垢，無量無邊所結冤業，願悉消滅。

從於今日立深誓願：遠離惡法，誓不更造；勤修聖道，誓不退墮；誓成正覺，誓度衆生。

阿彌陀佛以慈悲願力，當證知我，當哀憫我，當加被我，願禪觀之中，夢寐之際，得見阿彌陀佛金色之身，得歷寶嚴之土，得蒙甘露灌頂，光明照身，手摩我頭，衣覆我體；使我宿障自除，善根增長，疾空煩惱，頓破無明；圓覺妙心，廓然開悟；寂光真境，常得現前。

至於臨欲命終，預知時至，身無一切病苦厄難，心無一切貪戀迷惑，諸根悅豫，正念分明，捨報安詳如入禪定。阿彌陀佛與觀音，勢至，諸聖賢衆，放光接引，垂手提攜；樓閣，幢幡，異香，天樂，西方聖境，昭示目前，令諸衆生見者聞者，歡喜感嘆，發菩提心。我於爾時乘金剛臺，隨從佛後，如彈指頃，生極樂國七寶

池內勝蓮花中，花開見佛，見諸菩薩，聞妙法音，獲無生忍；於須臾，承事諸佛，親蒙授記。得授記已，三身、四智、五眼、六通，無量百千陀羅尼門，一切功德皆悉成就。然後不違安養，回入娑婆，分身無數，遍十方刹，以不可思議自在神力，種種方便，度脫衆生；咸令離染，還得淨心，同生西方，入不退地。

如是大願，世界無盡，衆生無盡，業及煩惱，一切無盡，我願無盡。願今禮佛發願，修持功德，同施有情；四恩總報，三有齊資，法界衆生同圓種智。

Dịch nghĩa. — Cúi đầu kính lạy đức Đại-đạo-sư tiếp dẫn chúng-sanh về nước An lạc phương tây, tôi nay phát nguyện nguyện vãng-sanh về cõi ngai, kính trông đức từ bi thương xót mà nhiếp-thọ.

Đệ-tử chúng tôi khắp vì bốn ơn ba cõi, chúng-sanh cả pháp-giới mà cầu phép nhứt-thừa-vô-thượng của chư Phật. Vì đạo Bồ đề vậy, chúng tôi chăm lòng tri niệm Hồng-danh đủ muôn đức của đức Phật A-Di-Đà đang vắng sanh về Tịnh-độ.

Lại vì nghiệp nặng phước ít, huệ cạn chướng sâu, tâm ô nhiễm dễ sanh, đức trong sạch khó đạt, nên nay tôi ở trước Phật, năm vóc cúi lạy, phơi trãi một lòng, tinh thành sám-hối; Tôi và chúng-sanh nhiều kiếp đến nay, mê tam bản-tịnh, buồn-lung lòng tham, sân, si, nhuốm như ba nghiệp; tội cấu đã gây vô-lượng vô biên, oan nghiệp đã kết vô-lượng vô-biên, nguyện tiêu diệt cả.

Kể từ ngày nay, chúng tôi lập thâm-thệ-nguyên, lánh xa các pháp dữ, thề chẳng gây nữa, siêng năng tu thành đạo, thề chẳng trở lui, thành bậc chánh-giác, thề cứu độ chúng-sanh.

Xin Phật A-Di-Đà vận nguyện-lực từ bi mà chúng biết cho chúng tôi, thương xót chúng tôi, giúp đỡ chúng tôi; nguyện xin trong lúc thuyền quán, trong khi chiêm-bao, được thấy thân sắc vàng của Phật A-Di-Đà được qua cõi Bảo-nghiêm của Phật A-Di-Đà, được nhờ nước cam-lô của Phật A-Di-Đà rưới trên đỉnh chúng tôi, hào quang sáng của Phật A-Di-Đà soi khắp thân chúng tôi, tay ngài thoa đầu chúng tôi, áo ngài che thân chúng tôi; khiến chúng tôi nghiệp trước tự nhiên diệt trừ, căn lành ngày càng thêm lớn, mau hết phiền-não, liền phá vô-minh; rộng vây khai-ngộ viên-giác diệu-tâm, cảnh thường-tịch-quang chơn-thiết thường đặng hiện tiền.

Còn khi chúng tôi thân mang gấn thác thì được biết trước giờ chết, thân không có các bệnh khổ ách nạn, tâm không có những tham mến mê lầm, các căn vui đẹp, chánh niệm rõ ràng, bỏ báo-thân này một cách an-lành như vào thuyền định. Đức Phật A-Di-Đà cùng ngài Quán-Thế-Âm ngài Thế-Chí và cả chúng Thánh-hiền đều phóng hào-quang tiếp-dần, đưa tay dắt dìu; lâu các, tràng-phan, hương lạ thơm tho, nhạc trời ngân ngợi, cảnh Phật tây phương rõ bày trước mặt, khiến các chúng sanh hoặc thấy hoặc nghe, đều vui mừng cảm thân, phát lòng Bồ-Đề. Lúc bấy giờ, chúng tôi ngồi trên đài kim-cang, đi theo sau Phật trong khoảng thì giờ giây móng tay đã sanh về nước Cực lạc, giữa hoa sen xinh trong ao thất bảo. Hoa nở liền thấy Phật, thấy các vị Bồ-Tát, nghe tiếng pháp mầu, chúng tôi được vô sanh pháp-nhãn; ở trong giây phút đã thừa sự khắp các đức Phật, tự mình được Phật thọ-ký. Được thọ-ký rồi thời tam thân tứ tri, ngũ nhãn lục thông, vô số trăm ngàn phép tam-muội, tất cả các công đức, thấy đều thành-tựu. Vậy sau, tuy không rời nước An-dương mà trở vào cõi Ta-Bà, hóa ra vô số thân, khắp mười phương cõi, lấy

sức thần-thông tự-lại không thể nghĩ nghĩ, món món phương-tiện cứu thoát chúng sanh, đều khiến xa thói ô-nhiễm và dặng bản-tâm thanh-tịnh, đồng vãng-sanh về phương tây, vào bậc bất-thối-chuyển.

Đại-nguyên chúng tôi nh— thế-giới không cùng! chúng-sanh không cùng! nghiệp với phiền-não thấy đều không cùng! thời nguyện của chúng tôi cũng không cùng! vậy nay xin đem công-đức tu trì lay Phật phát-nguyện đây, đều bố-thi cho tất cả loài hữu-tính, đền trả bốn ơn, cứu giúp ba cõi, cho chúng sanh cả pháp-giới đều hoàn toàn dặng nhưt-thế-chuơng-tri.

(Đứng dậy, đánh ba tiếng chuông, tụng ba câu Tam-tự qui, mỗi câu lay mỗi lay):

Tự Qui-y Phật, đương nguyện chúng-sanh thê
giải Đại đạo, phát Vô-thượng-tâm.

自皈依佛,當願衆生體解大道,發無上心.

Tự Qui-y Pháp, đương nguyện chúng-sanh
thâm nhập Kinh-tạng, trí-huệ như hải.

自皈依法,當願衆生深入經藏,智慧如海.

Tự Qui-y Tăng, đương nguyện chúng-sanh
thống lý Đại-chúng, nhưt thế vô ngại.

自皈依僧,當願衆生統理大衆,一切無礙.

(lay xong, vừa vái vừa niệm):

Hòa-nam Thánh-chúng (rời lui ra).

和南聖衆

LỜI DẶN

Phép niệm Phật là một phép rất nhiệm-mầu, trên nhờ có Phật-lực hộ-trì, dưới nhờ có công-phu tu tập của mình nên chắc chắn mau thành quả.

Nhưng người tu niệm cần phải biết những chỗ cốt yếu như sau này thì trên con đường tu tập mới được nhiều phần lợi ích.

I. - PHÁT-TÂM 發心

Người niệm Phật cần phải xét biết «lầm-lạc luân-hồi» là khổ mà phát-tâm niệm Phật, cầu cho dứt sạch tâm-niệm giả-dối mê-làm của chúng sanh, đứng ra khỏi vòng sanh tử và chứng được Pháp-thân thanh-tịnh của Phật. Có phát-tâm như vậy thì mới thiết là niệm Phật, chớ nếu vì cầu danh cầu lợi, cầu phép lạ, cầu trường-sanh mà niệm Phật, thì dầu niệm bao nhiêu cũng phí công, vô hiệu-quả.

II. - TRÌ-GIỚI 持戒

Người phát-tâm tu hành cần phải giữ giới, vì có giữ giới mới phát sanh ra thuyền-định và trí-huệ, dứt trừ được nguồn gốc mê-làm và chứng được Phật-tánh.

Tùy theo địa-vị của mỗi người, giới-tướng có khác, nhưng ai đã thọ giới chi, thì cần phải gắng sức giữ gìn không được phạm giới, nhưt là bốn giới: sát, đạo, dâm, vọng. Bốn giới ấy, người niệm Phật, ai ai cũng phải giữ trọn, nếu lỡ có phạm, thì phải tin chắc nhưn-quả, ghê sợ cho mình, sanh lòng hổ thẹn, thành tâm sám-hối, phát-lộ tội mình trước Phật, thề quyết chẳng tái-phạm, và phát nguyện độ thoát tất cả chúng sanh khỏi phạm những tội lỗi như mình. Thành-tâm sám-hối như vậy trong bảy ngày hoặc trong một tháng, ba tháng, một năm, cho đến khi được thân-thể nhẹ nhàng, tâm-thần khoan khoái, hoặc nằm chiêm-bao thấy Phật, thấy cảnh Tịnh-độ, hoặc tỉnh linh trong khi nghe kinh hiểu rõ độ-nhứt nghĩa-đế của chư Phật, thì mới hết tội.

III. — LY-DỤC 離欲

Người tu hành cần phải ly-dục, nghĩa là lánh xa năm món: sắc, thanh, hương, vị, xúc, ở thế-gian có thể mê hoặc người đời xui khiến sanh lòng ưa muốn. Các món ấy, từ sắc đẹp đàn-ông đàn-bà cho đến tiếng hay giọng tốt, mùi thơm vị lạ, vân vân, đều có thể làm cho người đời mê đắm, sanh nhiều tội lỗi, nên cần phải phát-tâm lánh xa, không ưa muốn nữa.

Muốn ly-dục, người niệm Phật phải xem cõi đời là cõi tạm và hằng ngày phát nguyện cầu sanh về Tịnh-độ.

IV. — TRỪ PHIỀN-NÃO 除煩惱

Một cái ly nhớt dầu đựng nước trong, nước ấy cũng hóa ra đục; người niệm Phật, nếu không trừ phiền-não, thời dầu niệm bao nhiêu cũng hóa ra niệm cùng sanh cá. Vậy nên người niệm Phật cần phải phát-tâm dứt bỏ các phiền-não. Phiền-não tuy nhiều, nhưng rút lại cũng không ngoài sáu món:

1°) *Tham*. — 貪 Tham nghĩa là cái chi mình ưa thì muốn cho có; đã có thì khư khư giữ chặt, lại muốn cho có thêm xấp năm xấp bảy.

2°) *Sân*. — 瞋 Sân là lòng bất-bình đối với những việc không hợp ý, thường phát sanh ra thù hiềm hờn giận.

3°) *Nghi*. — 疑 Nghi là nghi ngờ du dự: hoặc nghi Phật-pháp sâu xa mình không thể chứng được hoặc nghi mình nghiệp-chướng nặng nề không thể tu đặng.

4°) *Mạn*. — 慢 Mạn là kiêu-mạng: hoặc vì mình hơn mà khinh người, hoặc vì mình đồng với người hay mình thua người mà nghĩ là mình hơn, hoặc biết mình thua người mà vì chỗ thua của mình, sanh ra lòng kiêu-mạng, không chịu kính nhường. Mà nhứt là chưa hiểu đã tự cho là hiểu, chưa ngộ đã tự cho là ngộ, chưa chứng đã tự cho là chứng, tự tôn tự đại, không chịu tham học kinh-diễn, không chịu hỏi han những bậc thiện-tri-thức, ôm cái mê-lắm mà tự hại mình, lại hại đến người khác.

5°) Si. — 癡 Si nghĩa là si-mê. Si-mê có nhiều món:

A) Si-mê theo thói quen, nghĩa là mê theo rượu chè cờ bạc, theo thuốc phiện, theo thuốc lá, theo nước mắm, theo ớt và các thói quen khác đến nỗi ghiền-gấp không thể rời bỏ.

B) Si-mê theo văn-chương, chỉ lo ngâm thơ làm phú, tỉ tỉ rung đùi cùng trăng thanh nước biếc.

C) Si-mê theo học-thuật thể-gian, chỉ chấp theo những học-thuật giữa đời mà không chịu tham-học chơn-lý.

D) Si-mê theo Phật-học, chỉ học thuộc những câu khẩu-đầu-thuyền, chỉ tầm chương địch cú 尋章摘句, mà không chịu tham-cứu nghĩa lý.

E) Si-mê theo giấc ngủ, theo sự lười-biếng.

F) Si-mê theo sự hành-động. — Thân chỉ tưởng đi chơi chỗ này cao khác không chịu ở yên; miệng chỉ ung cãi cọ lý lẽ, ca hát ngâm nga; tâm-thần chỉ ung nghĩ việc này sang việc khác, không định vào một chỗ, đều là những lối si-mê theo sự hành-động.

G) Si-mê theo sự tin-ngưỡng, nghĩa là dầu biết sự tin-ngưỡng của mình không hiệp lý, nhưng cũng cứ nắm chắc chỗ tin sai lầm không chịu thay đổi.

6°) Mê-chấp. — 迷執 Mê-chấp có hai món là pháp-chấp và ngã-chấp.

A) Pháp-chấp là chấp những sự vật thấy được biết được là thiệt có mà không rõ toàn-thể các pháp đều do nghiệp-thức biến hiện, chỉ vì nghiệp mình là nghiệp người nên hóa ra thấy có cảnh-giới của nghiệp người đó thôi.

B) Ngã-chấp là chấp thiệt có cái ta mà không biết cái ta là giả dối không thiệt, chỉ nương với hoàn-cảnh nên in tưởng là có, chứ không phải thiệt có.

Sáu món phiền-não vừa nói trên cần phải dứt sạch cho tột nguồn tốt gốc. Khi mới phát-tâm phải quyết định bỏ

hắn như nước miếng đã nhỏ ra rồi; đến khi nó muốn phát-khì trở lại thời phải tự nghĩ không lẽ liếm lại nước miếng đã nhỏ mà đoạn trừ cho cùng tội tất cả các phiền-não.

V. — ĐIỀU-HÒA 調和

Người niệm Phật, trong khi phát-tâm cầu Phát-pháp đăng thoát ra khỏi vòng sanh tử và cứu độ chúng sanh, cần phải giữ lòng quyết định mạnh mẽ, không hề sống chết, chuyên giữ một niệm là niệm Phật mà thôi. Giữ một niệm Phật thời như định chỉ nhận một cái chơn-như Phật-tánh trùm khắp ba đời mười phương, trong ấy bản-lai vốn không có thế giới chúng sanh, làm sao còn cóặng những món phiền-não!

Những người muốn niệm Phật trước hết cần phải điều-hòa thân tâm cho thư thái thời trong sự tu hành mới mau có hiệu-quả. Những lối điều-hòa thân tâm kể ra sau này :

1°) *Điều hòa sự ăn uống*. — Ăn uống cốt nuôi thân cho sống để mà tu tập. Nếu ăn quá no thì sanh ách, thân-thể nặng nề, hơi thở mạnh gấp, ngồi niệm không yên. Nếu ăn quá ít thì mình gầy bụng đói, ngồi niệm cũng không bền được. Lại vì những vật hôi nhớp thường làm cho tinh-thần mê mẩn, những vật khó tiêu thường hay sinh bệnh, nên các người tu hành cần phải ăn uống cần thận chừng đôi thời mới an tâm vui lòng mà hằng ngày trì-niệm.

2°) *Điều-hòa giấc ngủ*. — Vẫn biết khi ngã chấp chưa hết, còn nhận thân này là thân của mình, thì đến khi mỗi một tất phải buồn ngủ; nhưng người tu niệm cần phải tập ít ngủ để cho tâm-thần thường được sáng suốt. Khi tập, nếu có buồn ngủ thời phải nghĩ: thân người là vô-thường, có sống đặng bao lâu, nếu không lo tu tập, chỉ lo ngủ cả đời, thời biết bao giờ cho thành đạo chứng quả.

3°) *Điều-hòa thân-thể*. — Người tu niệm muốn ngồi niệm Phật được lâu, cần phải liệu thể mà ngồi cho thân-thể được phần thư-thái. Chỗ ngồi phải mềm mại êm dẽm,

dầu ngồi lâu bao nhiêu cũng không té không nhứt. Như ngồi bán-già thì xấp chân, để bắp chân mặt trên bắp chân trái (hoặc chân trái trên chân mặt), kéo lại cho sát bên mình, ngón chân ngang bắp vế. Rồi mở rộng cổ áo, thắt lưng, để bàn tay mặt trên bàn tay trái, rồi xếp hai cánh tay sát bên mình. Tay chân để y vậy, uốn mình năm, bảy lần cho giãn xương cốt, rồi ngồi thẳng lưng, không cong đằng trước, không ngửa đằng sau. Sau rồi sửa đầu cho thẳng, sóng mũi ngay hàng với rún, không xiêng bên này bên kia. Mặt ngó thẳng ra trước, không cúi xuống, không ngẩng lên; con mắt nhắm lại vừa không thấy ánh sáng bề ngoài thời thôi. Phải ngồi yên như vậy, vững vàng như hòn núi, mình đầu tay chưa không được lay động.

4°) *Điều hòa hơi thở*. — Khi vừa ngồi thẳng chưa nhắm mắt, nên hít không khí vào nơi lỗ mũi, rồi hã miệng thở ra chậm chậm; thở hai ba lần như vậy rồi mới nhắm mắt. Đến khi ngồi im phải soi xét hơi thở, đừng cho mạnh gấp có tiếng, đừng cho bức-tức không thông, đừng cho thô-phù không êm, phải thở một cách thông suốt nhẹ nhàng êm đềm kín đáo như hơi thở con rùa. Hơi thở điều-hòa được rồi mới khởi sự niệm Phật.

5°) *Điều-hòa tâm-trí*. — Điều-hòa tâm-trí tức là niệm Phật. Khi niệm Phật nên niệm khoan thai, mỗi hơi thở chừng một vài chữ; tai phải chăm chỉ nghe tiếng niệm Phật.

Đương khi chuyên-chú niệm Phật, như thấy tinh-thần mê mê nghe không rõ ràng, đầu muốn gục xuống thì phải đề tâm nơi lỗ mũi mà niệm. Còn khi nghe tâm muốn loạn động, thân không yên ổn, nghĩ nhớ việc ngoài, thời phải đề tâm nơi rún mà niệm đặng trừ các loạn tưởng. Khi nghe trong ngực hơi tức thì phải bớt bớt chuyên-chú đề cho tâm được khoan thai. Khi tâm-trí hơi nhác, mình muốn ngửa nghiêng hoặc miệng chảy nước miếng, thời phải chuyên-chú nhiều thêm đề đối-phó. Hễ có bệnh gì thì trừ bệnh ấy, đến khi hơi thở nhẹ nhàng, thân-thể

điều-hòa, tâm niệm chuyên-chú về nơi niệm Phật không tán loạn, thì lần lần vào được thuyên-định.

Ngồi niệm như vậy càng lâu càng tốt. Khi muốn thôi niệm thì phóng tâm không chuyên-chú nữa, mở miệng thở vài ba hơi dài, lắc mình nhẹ nhẹ vài ba lần cho huyết lưu thông; rồi uốn vai, uốn lưng, lần đến tay, đến đầu, cổ và đến hai chân; lấy hai tay thoa cùng cả mình, xoa tay cho nóng mà hớp hai con mắt rồi từ từ mở mắt. Đợi một chập cho trong mình bớt nóng thì mới đứng dậy. Nếu đứng dậy gấp thời hay sanh chứng nhức đầu, chân tay hay tê nhức, về sau khó ngồi lâu được.

...

Người tu niệm cần phải giữ đủ các phép như vậy mà tu trì; đến như cảnh giới trong định thì gặp cảnh-giới gì cũng phải lấy tâm bình-thường mà đối-phó, chẳng nên tự nghĩ là chúng là ngộ mà mang tội tăng-thượng-mạng. Lại thường thường cần phải coi mục « Ngũ-ấm-ma » trong kinh Lăng-Nghiêm, hoặc hỏi han những bậc thiện-tri-thức, mới chắc khỏi những điều lầm lạc.

Nam-mô A-Di-Đà Phật, những điều dặn trên đây đều theo phương-pháp trong Tiểu-chỉ-quán của ngài Thiên-Thai chứ không phải lời hung ức của chúng tôi; nguyện đồng nhơn gắng noi theo mà tu niệm, đặng cùng nhau đồng sanh về tây phương Cực-Lạc thế-giới

VIÊN-ÂM.



PHEP TỤNG-NIỆM PHỒ-THÔNG

(Đứng trước bàn Phật, xấp tay, tưởng-tượng thân-thể và hoàn-cảnh như vật trong chiêm-bao, giả dối không thiệt và niệm 21 lần câu chú Tịnh-pháp-giới sau này :

Um lam xô ha

(Fr: omm lamm sau ha)

(Rồi thấp hương cầm tay, quỳ xuống, tụng bài qui-y phát-nguyện).

Chúng tôi kính lạy qui-y theo đức Phật Thích-ca, đức Phật A-Di-Đà, thập phương chư Phật, vô-thượng Phật-pháp cùng khắp mười phương các vị Bồ-tát và tứ-quả A-La-hán, Chúng tôi lâu đời lâu kiếp nghiệp chướng nặng nề, tham giận kiêu căng si mê lầm lạc; ngày nay chúng tôi nhờ Phật, biết sự lỗi lầm, quyết lòng tu tập, cúi xin thành tâm sám-hối các tội lỗi trước. Kể từ ngày nay, chúng tôi thường tránh việc dữ, thường làm điều lành. Nguyện trông ơn Phật từ-bi chứng-minh, thương xót chúng tôi, bảo-hộ chúng tôi; đừng cho chúng tôi thân không tật bệnh, tâm không phiền-não Hằng ngày an vui tu tập phép Phật nhiệm màu, đề mau ra khỏi luân-hồi, minh tâm kiến tánh, trí-huệ sáng suốt, thần thông tự tại, đặng cứu độ các bậc Tôn-trưởng, cha mẹ anh em thân bằng quyến thuộc, cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật-đạo.

(Tụng rồi đứng dậy, cắm hương, đánh chuông, rồi trở về trước bàn Phật và niệm):

Chúng tôi xin qui-y theo thập phương chư Phật, nguyện đời đời kiếp kiếp khỏi theo thánh, thần, tà-ma ngoại-đạo.

(Lay một lay)

Chúng tôi xin qui-y theo Phật-pháp, nguyện đời đời kiếp kiếp khỏi theo những đạo sai lầm, không hiệp chánh-lý.

(Lay một lay)

Chúng tôi xin qui-y theo các bậc Bồ-tát, A-la-hán và các thầy chơn tu, nguyện đời đời kiếp kiếp khỏi gặp ông thầy không hiểu Phật-pháp, không giữ giới luật và khỏi theo những lời quyến rũ của các người ngoại-đạo.

(Lay một lay)

Chúng tôi kính lay qui-y theo đức Phật Thích-ca-Mâu-ni, trí huệ sáng suốt đã hoàn toàn chứng rõ thể, dụng của chơn-tâm.

(Lay một lay)

Chúng tôi kính lay qui-y theo đức Phật Thích-ca-Mâu-ni, từ-bi-hỉ-xả đã đầy đủ muôn hạnh muôn đức.

(Lay một lay)

Chúng tôi kính lay qui-y theo đức Phật Thích-ca-Mâu-ni đã hiện ra thân người mà cứu độ chúng tôi.

(Lay một lay)

Chúng tôi kính lay qui-y theo đức Phật A-Di-Đà, từ-bi thương xót chúng sanh, đã phát nguyện tiếp độ những người niệm hiệu Ngài về Cực-lạc thế-giới.

(Lay một lay)

Chúng tôi kính lay qui-y theo ngài Quán-thế-âm Bồ-tát, thường thương xót chúng sanh mà cứu khổ cứu nạn.

(lay một lay)

Chúng tôi kính lay qui-y theo ngài Đại-thế-chí Bồ-tát cùng các ngài Thanh-tịnh đại-hải-chúng Bồ-tát, thường bảo-hộ những người niệm Phật.

(Lay một lay)

(Lay rồi, ngồi xấp bàn tề chỉnh, chấp tay như búp sen và tụng):

A-Di-Đà Phật thân kim sắc,
Trưởng hảo quang minh vô đẳng luân,
Bạch hảo uyển chuyển ngũ tu đi,
Cám mục trướng thanh tú đại hải,
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ-tát chúng diệt vô biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh,
Cửu phẩm hàm linh đẳng bị ngạn.
Nam-mô tây phương Cực-lạc thế-giới Đại-tử đại-bi A-Di-Đà Phật.

(Rồi niệm, hoặc niệm có tiếng, hoặc mật-niệm)

Nam-mô A-Di-Đà Phật (300 lần sắp lên)

Nam-mô Quán-thế-âm Bồ-tát (10 lần)

Nam-mô Đại-thế-chí Bồ-tát (10 lần)

Nam-mô Thanh-tịnh đại-hải-chúng Bồ-tát (10 lần)

(Niệm xong, tụng câu «Di-Đà Vãng-Sanh tâm chú» 21 lần)

Um, bēn da rê hōn.

(Omm behm da rê, hōne)

(Và tụng câu chú «Lục-tự Đại-minh» 21 lần):

Um, ma nè bê mê, hôn

(Omm, ma nè bê mê hone)

(Rồi tụng bài hồi-hương):

Chúng tôi một lòng quy-y theo đức Phật A-Di-Đà thế-giới Cực-lạc. Phật đã phát nguyện: hễ chúng sanh, một lòng tin ngưỡng, trì niệm Ngài thì Ngài tiếp dẫn về cõi Tịnh-độ; vậy nên chúng tôi chuyên lòng niệm Phật, nhờ thần-cực Phật từ-bi gia hộ, chúng tôi khỏi phạm điều gì, thường làm việc lành; đến khi lâm-chung được thấy đức Phật A-Di-Đà cùng ngài Quán-âm, ngài Thế-chí và các vị Bồ-tát đồng đến tiếp-dẫn về cõi Tịnh-độ; ở trong giây lát đã được Vãng-Sanh trong hoa sen báu; hoa nở, nhả ra, liền được thấy Phật cùng các Bồ-tát, nghe rõ phép màu, minh tâm kiến tánh; được minh tâm kiến tánh rồi thì mặc sức hóa ra trăm ngàn vạn thân, cứu-độ chúng sanh đồng tây-phương Cực-lạc thế-giới.

Chúng tôi phát nguyện rộng lớn như vậy, xin Phật từ-bi thương xót chúng tôi, bảo-hộ chúng tôi, đặng cho chúng tôi cùng tất cả chúng sanh, khỏi sự lỗi lầm, mau thành Đạo-quả.

(Tụng xong, đứng dậy, chắp tay niệm)

Nam-mô A-Di-Đà Phật

(Lay một lay)

Nam-mô Quán-thế-âm, Đại-thế-chí Bồ-tát

(Lay một lay)

Nam-mô Thanh-tịnh đại-hải chúng Bồ-tát

(Lay một lay)

(Lay xong, vừa vái vừa niệm)

Hòa nam Thánh chúng (Rồi lui ra).

VIÊN-ÂM

GIỚI-THIỆU KINH, SÁCH, BÁO CHƯƠNG

TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

Chúng tôi có tiếp đăng quyền kinh «Bốn mươi lăm chương» của ông Thiệu-Chữu giới tặg.

Kinh này đã dịch ra quốc-văn và có Hán-văn (in bằng quốc-văn) đối chiếu. — Sách in đẹp, khổ nhỏ. Vừa cầm tay. Giá 0\$10.

Nhà In Hoá-ký, 36, Route Sinh-tử Hanoi xuất-bản. V xin cảm ơn dịch-giả và giới-thiệu cùng chư-thiện-tín.



GIỚI LUẬT CỦA ĐẠO PHẬT

Ông Đoàn-Trung-Còn, trong quyền «Tăng-Đồ nhà Phật» có nói đủ các giới của tin-dồ Phật-giáo: Giới của U Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di, giới của Sa-Di, Sa-Di-Ni, Tỳ-Kheo, Tỳ-Kheo-Ni và có kể đủ những nguyên-do của các giới ấy.

Những tin-dồ đạo Phật vì thất-học chưa rõ giới-tướng cũng nên xem quyền sách này để biết mà gìn giữ.

Sách «Tăng-đồ nhà Phật» của ông Đoàn-trung-Còn dóc thành hai quyền, mỗi quyền giá 0\$45, ngài nào muốn mua xem xin gửi thơ cho ông Đoàn-Trung-Còn, 14 Rue Louvain, Saigon.



NGÀY NAY

Tuần báo Ngày-Nay đã xuất bản.

Nội dung «Ngày Nay» xếp đặt theo lối mỹ-thuật tranh ảnh và bài vở đặc sắc.

Tòa soạn: 55, Rue des Vermicelles, Hanoi.

Chúng tôi xin giới-thiệu cùng độc-giả và chào mừng bạn đồng-nghiệp.

ANH SANG (LA LUMIÈRE)

Báo Ánh-Sáng đã xuất bản do ông Nguyễn-Quốc-Túy chủ-nhiệm.

Tòa soạn ở đường Gia-Long, số 83, Huế.

Xin độc-giả chờ làm tờ Ánh-Sáng này với tờ La Lumière ở bên Pháp bị cấm.

Lần thứ nhất mới có tờ báo ra hằng ngày tại Thần-Kinh, vậy chúng tôi xin chúc mừng bạn đồng-nghiep và giới-thiệu cùng độc-giả.

THÙ VẦN THƠ

Bản san có tiếp được quyền Thù-Vần-Thơ của ông Xuân-Thiện, Route du Champ de Course Hanoi, gởi tặng.

Sách dày 52 trang, giá 0\$20.

Vậy xin cảm ơn tác-giả và giới-thiệu cùng độc-giả.

GIẢI THƯỞNG TỰ-LỰC VĂN-ĐOÀN NĂM 1935

Chúng tôi có tiếp được thơ của Tự-Lực Văn-Đoàn cho hay về giải thưởng cuộc thi sách năm 1935.

Vậy ngài nào muốn thi, xin gởi thơ về hỏi thẻ lệ nơi:

Ông NGUYỄN-TƯỜNG-TAM,

30, Avenue Grand Bouddha, Hanoi.

ĐÀN - VĂN

Tờ tuần-báo «Đàn-Văn» xuất bản ngày thứ năm, do ông Nguyễn-phú-Độc chủ-nhiệm.

Tòa soạn số 6 phố Tô-Lịch Hanoi.

BẮC - HÀ

Báo Bắc-Hà xuất bản ở Hanoi, do ông Bùi-dinh-Tiên chủ-nhiệm.

Báo quán ở đường Takou, số 14.

Bản san xin chúc mừng các bạn đồng-nghiep mới và giới-thiệu cùng độc-giả.

V. A.

TRÙNG-TU CHÙA ĐẠI-BI Ở THANH-HÓA

LỜI KÍNH CÁO CÙNG CÁC NHÀ TỪ-THIỆN TRONG TRUNG-NAM-BẮC BA KỲ

Đạo Phật có bổ ích cho nhơn-loại thế nào, các nhà hiền triết đông tây xưa nay đã bàn nhiều rồi, tưởng các ngài cũng đã thừa biết.

Phật-giáo muốn được khuếch-trương cũng nhờ có một sở chùa cho có vẻ trang-nghiêm tráng lệ và phong-cảnh tịnh tịch thanh-u.

Triều Vua Lê Nước ta thuở trước có dựng một sở chùa thờ Phật tên là Đại-Bi-Tự ở về làng Mật-Sơn, chỗ ấy có núi Mật Sơn, mây nước, sông Nông-giang, cách thành phố Thanh-Hóa hai cây số, là một nơi thắng cảnh của Vương-đế Châu vậy. Sau vì thời thế biến thiên, sở chùa giao cho làng sở-tại phụng tự, từ đó rồi chùa không có sư, cảnh chùa càng ngày càng thêm hiu quạnh, mà cái phong-cảnh thiên-nhiên kia cũng nhơn đó mà kém về mỹ-quan, làm cho khách du-ngoạn ít ai để mắt đến, thật là một sự đáng tiếc.

Bỉ-nhơn đã đem sự đáng tiếc ấy trình cùng Cu Tổng-Đốc Nguyễn Đại-nhân Ngài cũng biểu đồng-tinh sốt sắn giúp đỡ trong việc trùng-tu; vừa rồi đã được phép tỉnh tòa cho khuyến cáo các nhà từ-thiện trong tỉnh hạt cùng được một số bạc hơn ba trăm đồng để lo việc trùng tu ấy, và có rước một vị thiền-sur ở Huế là ông Đình-Trường-Thoan về làm quản-tự. Nhưng nhứt sơ sắp đặt tiền ít việc nhiều, và lại bản-ý chúng tôi muốn trùng-tu lại sở chùa này là có ba mục-đích :

1°. — Muốn bảo-tồn dấu-tích công-đức của đế-vương ngày xưa ;

2°. — Muốn tô-diềm thêm một nơi thắng-cảnh ở đế-vương châu ;

3°. — Muốn gây dựng một chỗ đề cho thập-phương bốn đạo đến lễ Phật ngê kinh đề cho Phật-giáo được phổ cập.

Ý-nguyên như vậy mà tài lực không đủ, tưởng các ngài cùng chúng tôi biểu đồng-cình về việc cử-hành thành-sự này cũng đã lượng giải cho. Vì vậy nay dĩ-nhơn mới dám mạo giạn trần trọng mấy lời dâng lên báo chương, mong các nhà từ-thiện trong các giới nghĩ đến ba cái mục-dịch của chúng tôi đã nói trên đó, mở lòng từ-bi, giàu lòng bác-thí, chung của góp công, kẻ ít người nhiều quyền-trợ vào việc trùng tu này, thì xin gởi do tòa báo này nhận giao lại; dĩ-nhơn xin đăng qui-tánh phươg-danh và số báo quyền lên báo và cũng biên vào quyển sổ ở chùa, hầu mai sau may được kết-quả hoàn thiện sẽ xin chạm vào bia đá đề ghi công đức trong muôn một. Còn lòng từ-thiện của các ngài cùng lòng thành-tin của chúng tôi xin có tuệ-đăng chiếu-giám.

TÒN-THẤT-TOẠI

Ấn-sát de Thanh-Hóa.

Kỳ này vì nhiều bài nên không đăng được Phật-giáo văn-đáp, Thế-gian thuyết và sự tích đức Phật Thích-Ca, xin đọc giả lượng thứ.

VIÊN-ÂM

HỘI PHẬT-HỌC HUẾ

Điều-lệ và qui-tắc của Hội Phật-học mới sửa đổi lại đã được Hoàng-Thượng chuẩn-y (Chỉ số 32, ngày 1 Février 1935).

BAN TRỊ-SỰ NĂM 1935

Kỷ nhóm Đại-Hội-Đồng ngày 17 Février 1935, tất cả hội-viên hiện-diện cử ban Trị-sự như dưới đây :

Cụ	NGUYỄN-KHOA-TÂN	<i>Chánh Hội trưởng,</i>
Ông	LÊ-ĐÌNH-THÂM	<i>Phó Hội-trưởng,</i>
Ông	NGUYỄN-KHOA-TOÀN	<i>Chánh Thư-ký,</i>
Ông	HOÀNG-XUÂN-BA	<i>Phó Thư-ký,</i>
Ông	PHẠM-QUANG-THIỆN	<i>Chánh Chương-quĩ,</i>
Ông	NGUYỄN-CÔNG-TÍCH	<i>Phó Chương-quĩ,</i>
Ông	LÊ-THANH-CẢNH	<i>Kiểm-sát,</i>
Ông	LÊ-QUANG-THIỆT	<i>id</i>
Ông	TRƯƠNG-XƯƠNG	<i>id</i>
Cụ	NGUYỄN-ĐÌNH-HOÈ	<i>Cò-vấn,</i>
Cụ	ƯNG-BÀNG	<i>id</i>

AI TÍN

Bà Phan-Lương-Kim, hội viên thường trợ của Hội Phật-Học, Huế, đã từ trần ngày 21 tháng giêng (24-2-35) tại chùa Thiên-Minh, Huế.

Hội Phật-Học có mời các ngài Chứng-minh Đạo-sư và thông-cáo cho tất cả các hội-viên ở Huế tới hộ-niệm tối ngày 26 Février 1935, và dự lễ tổng chung ngày 27 Février 1935.

Đến mồng một tháng ba tức là 5 Mars 1935, Hội lại làm lễ cầu-siêu tại hội-quán (chùa Từ-Quang Huế).

PHẬT-HỌC-HỘI.

DỰ CÁO KỲ SAU

MỤC LỤC SỐ MƯỜI HAI

I. — QUYỀN ĐẦU NGŨ:

II. — NHƯ THỊ PHÁP:

A) LUẬN ĐÀN :

B) DIỄN ĐÀN :

C) CHƯ KINH GIẢNG NGHĨA { $\begin{array}{l} 1^{\circ}) \text{ Đại ý kinh Thủ-} \\ \text{Lãng-Nghiêm (tiếp} \\ \text{theo)} \\ 2^{\circ}) \text{ Kinh Thủ - Lãng} \\ \text{Nghiêm (tiếp-theo)} \end{array}$

III. — BIỆT KHAI PHƯƠNG TIỆN

A) THẾ-GIAN THUYẾT.

B) PHẬT-HỌC DỊ GIẢI:

C) PHẬT-GIÁO VẤN ĐÁP.

D) THI LÂM.

E) PHIÊN-NÃO TỨC BỒ ĐỀ.

IV. — SỰ TÍCH

SỰ TÍCH ĐỨC PHẬT THÍCH-CA (tiếp theo).

V. — TIÊU TỨC

MỘT SỐ : 0\$20

MỘT NĂM : 2\$00

VIÊN-ÂM

(La Voix Parfaite)

NGUYỆT SAN CỦA HỘI PHẬT HỌC — HUẾ

TÒA SOẠN :

5, Rue Champeau — Huế

Chủ nhiệm : LÊ - ĐÌNH - THÂM, Médecin Indochinois

Boîte postale N° 73 — Huế

KÍNH CÙNG ĐỘC-GIẢ

Thay mặt cho chúng tôi về phần thâu tiền và xuất biên-lai, thì chúng tôi có cây :

Ở Faifo và Tam-kỳ, M. Đặng-ngọc-Chương ;

Ở Tourane

M. Vũ-như-Kim ;

Ở Huế

M. Ưng-Tiến.

Trừ ra, xin lấy biên-lai của Tòa-soạn làm bằng cứ, vì chúng tôi không còn ủy thác ông nào xuất biên-lai và thâu tiền ở nơi nào nữa cả.

Xin độc-giả chú ý.

VIÊN-ÂM